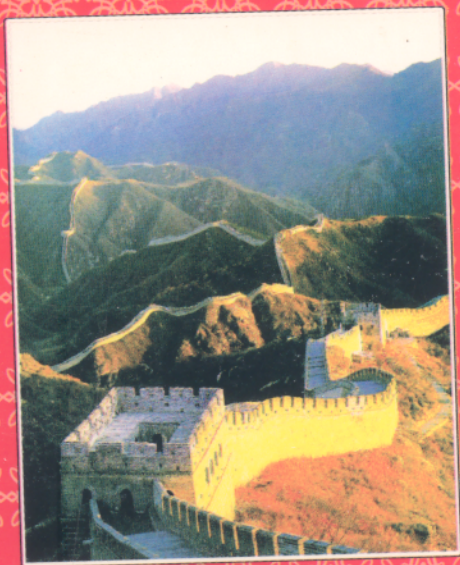


TRẦN THY THY

BƯỚC ĐẦU HỌC VIẾT CHỮ HÁN



- TIẾNG HÁN CƠ BẢN
- BỘ THỦ VÀ CÁCH VIẾT
- VIẾT CHỮ HÁN BẰNG BÚT LÔNG

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

BƯỚC ĐẦU HỌC VIẾT CHỮ HÁN

33 - 335

104/177 - 2002

TK - 2003

NN (TH). TK. 03. 03

TRẦN THY THY

BƯỚC ĐẦU HỌC VIẾT CHỮ HÁN

- Tiếng Hán cơ bản
- Bộ Thủ và cách viết
- Viết chữ Hán bằng bút lông

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

MỤC LỤC

Một số vấn đề cơ bản.....	5
Một số bộ Thủ và cách viết.....	18
Tập viết.....	37
Tập viết chữ Hán bằng bút lông.....	177
- Cách cầm bút lông	178
- Tư thế khi viết bằng bút lông.....	178

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN

Tiếng Hán còn gọi là tiếng Trung quốc, tiếng Bắc kinh, tiếng Quan thoại, Trung văn, Hoa văn .v.v... là một loại chữ viết được hình thành trên cơ sở Tượng hình, Tượng thanh, Hội ý, Chỉ sự, Chuyển chú và Giả tá.

Tiếng hán ở mỗi chữ viết, dù là đơn giản hay phức tạp thì cũng đều do các nét hợp thành. Do đó ta có thể nói, tiếng Hán được tạo thành bởi các nét hay nét là phần cơ bản, nhỏ nhất tạo nên chữ hán. Và nét được các nhà nguyên cứu hán tự qui ước như sau:

Nét là một thao tác khi viết chữ nó được tính kể từ khi đặt ngòi bút tiếp xúc với mặt giấy và đến khi nhấc bút lên, tức là tạo ra một đồ hình liên mạch và mỗi lần như vậy được tính là một nét.

Việc làm quen với cách tính nét giúp người học dễ nhớ và dễ tra từ điển hơn. về cách phân loại các nét còn nhiều tác giả chưa thống nhất nhau theo cuốn Hán Văn Tự Học của tác giả Trần trọng San, cuốn Giáo Trình Hán Nôm của Phan văn Các thì có 8 nét cơ bản, còn tác giả Trương văn Bích trong cuốn "Cách Viết và Nhớ Chữ Trung Quốc" thì có 23 nét cơ bản nhưng phần nhiều thì cho rằng có 7 nét cơ bản và 15 nét biến thể từ 7 nét này.

7 nét cơ bản:

TÊN GỌI	HÌNH DÁNG	CÁCH VIẾT
NGANG	—	—
SỐ		
PHẪY	/	/
MÁC	\	\
CHẤM	˙	˙
HẤT	/	/
MÓC	┐	┐

15 nét biến thể:

TÊN GỌI	HÌNH DÁNG	CÁCH VIẾT
NGANG GẤP	ㄣ	ㄣ
NGANG MÓC	→	→
NGANG PHẪY	ㄨ	ㄨ
NGANG GẤP MÓC	└	└
NGANG MÓC	ㄥ	ㄥ
SỐ NGANG	└	└
SỐ MÓC	┐	┐
SỐ HẤT	┌	┌
PHẪY HẤT	ㄥ	ㄥ
CHẤM DÀI	˙	˙
MÓC XIÊN	ㄣ	ㄣ
MÓC NGANG	ㄥ	ㄥ
MÓC ĐỨNG	└	└
SỐ GẤP (CHẤM)	┐	┐
SỐ NGANG GẤP MÓC	ㄣ	ㄣ

Trong buổi đầu học tiếng Hán, việc tập viết các nét cơ bản là điều cần thiết, đây là bài học tuy đơn giản nhưng nó mang tính quyết định cho sự thành công hay thất bại trong việc học là không nhỏ. Sau khi viết được các nét cơ bản thuần thục rồi, tiếp theo là tập viết chữ, những chữ mà có 2 hay nhiều nét trở lên, thì nét nào sẽ được viết trước, nét nào viết sau.

Để viết chữ hán được nhanh, đúng người học cần phải tuân theo một quy tắc đó là quy tắc Bút thuận (thuận đà đưa bút), đây là một quy tắc được đúc rút qua nhiều năm kinh nghiệm trong khi viết chữ của các bậc đi trước với các quy tắc như sau:

nét trên viết trước, nét dưới viết sau

Ví dụ: 三 一 = 三

nét bên trái viết trước, nét bên phải viết sau

Ví dụ: 川) 丩 川

nét ngang viết trước, nét sổ viết sau

Ví dụ: 十 一 十

nét phẩy viết trước, nét móc viết sau

Ví dụ: 人 丿 人

nét bên ngoài viết trước, nét bên trong viết sau

Ví dụ: 月) 月 月 月

vào nhà trước, đóng cửa sau

Ví dụ: 日 | 冂 月 日

- nét giữa viết trước, hai bên viết sau

Ví dụ: 水 | 才 才 水

Ngoài ra những chữ có nét ngang ở đáy chữ thì nét ngang đó cũng thường được viết sau cùng

Ví dụ: 土 一 十 土

Những chữ có bộ "sước" (讠) dù bộ này nằm bên trái của chữ nhưng cũng được viết sau cùng

Ví dụ: 這 讠 讠 讠 讠 讠
言 言 言 言 這

- Những chữ có phần trên đầu là "艹" thì thứ tự khi viết các phần ấy cũng khác

Ví dụ: 常 艹 艹 艹 艹 艹 艹 艹 常 常 常 常

- những chữ có nét chấm (丶) tuy nét này nằm bên trên nhưng được viết sau cùng

Ví dụ: 我 一 手 手 我 我 我

- Tuy nhiên có một số chữ khi viết nó nằm ngoài những quy tắc trên. Vì vậy khi gặp cần phải linh hoạt trong cách viết bởi vì các quy tắc này được đúc rút từ những kinh nghiệm và bản thân nó bao giờ cũng mang tính tương đối mà thôi.

Cách phân bố các bộ phận hợp thành trong một chữ

Chữ hán khi viết bao giờ cũng được giới hạn trong một ô tương đối vuông, theo các nhà thư pháp ngày xưa thì chữ khi viết thường các bộ phận được phân bố theo các cách như sau:

- Cách chính phương



- Cách cửu cung



- Cách điền tự



- Cách mễ tự



- Cách hồi cung



- Cách hồi điền



- Cách hồi mễ



với các cách trên tùy theo mỗi chữ chúng có bao nhiêu bộ phận hợp thành mà khi viết ta phân bố sao cho mỗi phần chiếm một diện tích trong ô vuông là hợp lý để chữ viết được cân xứng và phải luôn nhớ rằng, ở mỗi bộ phận trong một chữ khi viết đều tuân theo quy tắc thuận bút.

Nhìn chung chúng ta có thể phân bố các phần trong một chữ như sau: Nếu chữ do hai bộ phận hợp thành, thì bộ phận lớn nhất không nên chiếm quá $\frac{2}{3}$ ô vuông. Nếu chữ do ba bộ phận thì mỗi bộ phận không quá $\frac{1}{3}$ ô vuông. Nếu chữ có ba bộ phận giống nhau thì sắp xếp theo dạng hình chóp. Nếu chữ có bốn bộ phận thì bộ phận nhỏ nhất không chiếm quá $\frac{1}{4}$ ô vuông.

Để việc viết chữ thêm phần cân xứng và mang tính mỹ thuật hơn, tôi xin trích thêm một số cách phân bố nét chữ trong 68 cách viết của tác giả Hoàng Tự Nguyên, cho việc vận dụng cương bút của đa số người học hiện nay:

Nét trên bao trùm, phải trùm cho kín.

宇宙定甯

Nét ngang đỡ dưới, phải đỡ cho thừa.

至聖孟蓋

Nét gánh ở giữa, phải viết cho dài.

喜吾婁安

Nét sổ ở giữa, phải sổ cho thẳng.

午干平甲

Nét móc phóng túng, nên cong và cứng.

風 鳳 氣 飛

Nét móc ngang, nên tròn và mạnh.

先 見 元 毛

Nét ngang xiên, không nên bằng.

乚 乚 七 此

Nét ngang bằng, không nên xiên.

云 去 且 旦

Nét qua ngang, nên cong nhiều.

志 必 息 恩

Nét câu dài, cần vòng bao.

拋 魁 旭 勉

Nét câu trong có nhiều chữ thì nên viết đứng và dài.

葡 萄 蜀 葛

Nét câu trong có ít nét thì nên viết ngắn và cong.

勿 勻 勻 句

Nét ngang ngắn, thì nét phẩy dài.

左 在 尤 尤

Nét ngang dài, thì nét phẩy ngắn.

灰 玄 有 右

Nét ngang ngắn, nét đứng dài, nét phẩy, nét ấn duỗi ra.

木 本 朱 東

Nét ngang dài, nét đứng ngắn thì nét phẩy, nét ấn co lại.

樂 隼 築 梟

Nét ngang dài, thì nét sổ ngắn.

十 上 下 士

Nét ngang ngắn, thì nét sổ dài.

才 斗 丰 井

Trên dưới đều có nét ngang, thì trên ngắn dưới dài.

丕 正 亞 並

Phải, trái đều có nét thẳng, thì trái ngắn phải dài.

目 自 因 固

Bên phải nét thẳng, bên trái nét phẩy thì bên trái co lại,

bên phải rủ xuống.

川 升 邦 邦

Bên trái nét thẳng, bên phải nét phẩy thì bên trái thu lại
bên phải buông ra.

伊 侈 修 修

Chữ có nhiều nét chấm thì chấm hơi nghiêng và hướng
vào nhau.

亦 赤 然 無

Nét chữ trùng nhau thì nên viết so le.

三 冊 冉 聿

Phép viết ba nét phẩy, thì nét dưới dài.

修 須 形 參

Phép viết ba nét chấm thì nét dưới hất ngược.

治 洪 海 流

Nét móc trùng nhau, hoặc hất lên hoặc đứng yên.

森 林 禁 懋

Trên dưới đều nét móc, nét dưới rõ, nét trên ẩn.

柔 哥 菱 棗

Cúi ngựa đều có nét móc góc, nét móc cúi ngắn, móc ngựa dài.

宅 寇 冠 冕

Thế của nét câu bị khuất nên co lại.

輝 頰 鳩 鷓

Phép rãng ngựa, bốn chấm bắn ra đôi một.

鳥 馬 焉 爲

Nét nại trùng nhau nên nét co, nét đuôi.

變 談 茶 黍

Chữ có nét tại phóng túng, đầu nên gom lại đuôi tỏa ra.

丈 尺 史 又

Bên phải ít nét nên nhường bên trái và viết thấp xuống.

即 幼 部 勑

Bên phải nhiều nét nên viết dài ra, bên trái co lại.

讀 竦 議 績

Hai bên bằng nhau cân cân đối.

雖願顧體

Ba phần hợp lại, phần giữa ngay chính.

御謝樹術

Hai đoạn hợp lại trên dưới bằng nhau, nét giữa gia giảm.

鑾響需留

Ba phần liền đầu đuôi dài ngắn tùy ý nhưng phải cân đối

累素意章

Phép trùn xuống dưới, nét phẩy nét ẩn phải cân.

會合金命

Thế chữ lẩn xuống, trái phải cân xứng.

琴杏谷各

Ở giữa nhiều nét thì ở giữa là chính.

蕃擲衝筆

Phần trên và dưới chiếm lĩnh thì ở giữa nhỏ.

鸞鸞驚驚

Phần dưới chiếm lĩnh, thì phải mở rộng.

萬 禹 表 衆

Bên phải chiếm lĩnh, thì cần to lớn.

讓 靖 騰 施

Bên trái chiếm lĩnh, thì cần cao rộng.

劉 斂 獻 敬

Hai bên chiếm lĩnh, ở giữa cần nhường.

仰 衍 辨 弼

Bên trái nhỏ, nên bằng đầu.

峻 峰 呼 吸

Bên phải nhỏ, nên bằng chân.

細 鈿 知 和

Ngang trên nên bằng đầu.

野 既 明 師

Ngang dưới nên bằng chân.

朝 故 晨 後

Phần trên nhiều nét, thì phần trên phải rộng

雲 普 齊 皆

Bên ngoài, bốn chữ trùng nhau, thể chữ cân cân vuông.

囂 囂 囂 囂

Bên trong, bốn chữ trùng nhau bố trí cho cân khít.

𪛗 爽 爾 齒

MỘT SỐ BỘ THỦ VÀ CÁCH VIẾT

Việc biết và nhớ các bộ thủ của chữ hán giúp người học dễ hơn trong việc tra tự điển và từ điển, mặc khác với hệ thống biểu ý của chữ hán qua bộ thủ chúng ta có thể hiểu nghĩa của chữ, và theo dõi việc học chữ hán theo từng bộ làm ta ghi nhớ được mặt chữ dễ dàng.

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
Các bộ 1 nét				
一	Nhất	Số một	一	七
丨	Cổn	Nét sổ	丨	中
丶	Chủ	Nét chấm	丶	主
丿	Triệt	Nét phẩy	丿	久
乙	Át	Ngôi thứ 2 của hàng Can	乙	九
乚	Quyết	Nét móc ngược	乚	了
Các bộ 2 nét				
二	Nhị	Số hai	一 二	五
亠	Đầu	Trên cùng nắp	丶 亠	亡
人	Nhân	Người (hình người đứng)	丿 人	今
儿	Nhân	Người (hình người đi)	丿 儿	兄

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
入	Nhập	Vào (vô)	ノ 入	肉
八	Bát	Số tám	ノ 八	六
冂	Quynh	Miền bên ngoài rừng	丨 冂	冊
冂	Mịch	Dùng khăn che dây đồ vật	丶 冂	冠
冫	Băng	Nước gặp lạnh đông lại	丶 冫	冰
几	Kỷ	Cái ghế	丿 几	凡
凵	Khâm	Há mồm	乚 凵	出
刀	Đao	Con dao	ノ 刀	分
力	Lực	Sức (lực)	㇀ 力	助
勹	Bao	Bọc lấy	丿 勹	勿
匕	Chủy	Cái muỗng	乚 匕	北
匚	Phương	Đồ dùng để đựng vật	一 匚	匠
匚	Hễ	Che dây	一 匚	匹
十	Thập	Số mười	一 十	千
卜	Bốc	Bói để biết việc tốt xấu	丨 卜	占

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thư tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
冂	Tiết	Đốt tre	冂 冂	印
厂	Hán	Chỗ sườn núi người ta có thể ở được	一 厂	后
厶	Khu	Riêng	厶 厶	去
又	Hựu	Lại nữa	フ 又	友
亻	Nhân	Một hình thức khác của bộ 人	ノ 亻	仁
刂	Đao	Một hình thức khác của bộ 刀	丨 刂	到
乚	Tiết	Một hình thức khác của bộ 冂	フ 乚	危

Các bộ 3 nét

口	Khẩu	Mồm (miệng)	丨 口 口	古
凵	Vĩ	Vây quanh	丨 凵 凵	因
土	Thổ	Đất	一 十 土	在
士	Sĩ	Người học trò	一 十 士	壬
夕	Tri	Theo sau mà đến	ノ ク 夕	夆
夂	Tuy	Dáng đi chậm chạp	ノ ク 夂	夏
夕	Tịch	Buổi chiều	ノ ク 夕	外

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
大	Đại	To, lớn	一 ㇏ 大	天
女	Nữ	Người con gái	㇏ ㇏ 女	好
子	Tử	Con	㇏ 了 子	孝
宀	Miên	Lợp trùm nhà ngoài với nhà trong	丶 丶 宀	安
寸	Thốn	Tấc (10 phân)	一 十 寸	寺
小	Tiểu	Bé, nhỏ	丿 小 小	少
尢	Ương	Yếu đuối	一 ㇏ 尢	尢
尸	Thi	Thấy người chết	㇏ ㇏ 尸	尺
屮	Triệt	Cây cỏ mới sinh	㇏ ㇏ 屮	屯
山	Sơn	Núi	丨 山 山	岑
巛	Xuyên	Sông	乚 巛 巛	巡
工	Công	Người thợ	一 ㇏ 工	左
己	Kỷ	Mình	㇏ ㇏ 己	巷
巾	Cân	Cái khăn	丨 ㇏ 巾	市
干	Cun	Buổi chiều	一 二 干	平

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
幺	Yêu	Nhỏ lắm	㇏ ㇏ ㇏	幼
广	Nghiêm	Đầu cột lớn của nhà ở	丶 ㇏ 广	底
廴	Dẫn	Đi lâu	丶 ㇏ 廴	延
扌	Củng	Chấp tay	一 十 扌	弄
弋	Dặc	Chiếm lấy	一 乚 弋	式
弓	Cung	Bình khí dùng để bắn tên	㇏ ㇏ 弓	弰
ㄣ	Kệ	Đầu con nhím	㇏ ㄣ ㄣ	尋
彡	Sam	Lông dài	丿 ㇏ 彡	修
彳	Xích	Bước chân trái	丿 ㇏ 彳	徬
兀	Ngột	Cao mà trên bằng phẳng	一 ㇏ 兀	就
ㄩ	Kệ	Một hình thức khác của bộ ㄣ	㇏ ㄩ ㄩ	𠂇
ㄣ	Kệ	Một hình thức khác của bộ ㄣ	㇏ ㄣ ㄣ	𠂇
㇏	Tâm	Một hình thức khác của bộ ㇏	丨 ㇏ ㇏	忄
扌	Thủ	Một hình thức khác của bộ 扌	一 扌 扌	扌
氵	Thủy	Một hình thức khác của bộ 氵	丶 丶 氵	氵

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
犛	Khuyển	Một hình thức khác của bộ 犛	丿 犛 犛	犛
阝	Áp	Một hình thức khác của bộ 阝	㇏ ㇏ 阝	邦
阝	Phụ	Một hình thức khác của bộ 阝	㇏ ㇏ 阝	防
Các bộ 4 nét				
心	Tâm	Lòng, tim	丶 心 心 心	恚
戈	Qua	Một thứ binh khí đời xưa	一 乚 戈 戈	戡
户	Hộ	Cửa một cánh Nhà	丶 ㇏ ㇏ 户	扁
手	Thủ	Tay	一 二 三 手	扔
支	Chi	Cấp cho	一 十 ㇏ 支	翅
攴	Phác	Đánh khẽ	丨 丨 ㇏ 攴	敲
文	Văn	Vẻ	丶 一 ㇏ 文	紊
斗	Đẩu	Cái đấu (10 thăng)	丶 丶 三 斗	欣
斤	Cân	Cái rìu	一 厂 尸 斤	斛
方	Phương	Hướng	丶 一 ㇏ 方	施
无	Vô	Không	一 二 ㇏ 无	既

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
日	Nhật	Ngày, mặt trời	丨 冂 日 日	暝
曰	Viết	Nói rằng	丨 冂 日 曰	書
月	Nguyệt	Tháng, mặt trăng	丿 月 月 月	朙
木	Mộc	Cây, gỗ	一 十 才 木	枯
欠	Khiếm	Thiếu thốn	ノ ㇀ 欠 欠	欸
止	Chỉ	Nghỉ, thôi	丨 丨 止 止	峙
歹	Ngại	Xương sụn	一 ㄥ 歹 歹	殂
受	Thù	Một thứ bình khí dài không có mũi nhọn	ノ 儿 𠂔 受	殿
毋	Vô	Không	乚 母 母 母	毓
比	Tỉ	So sánh	匕 匕 比 比	恣
毛	Mao	Lông loài động vật	一 二 三 毛	毳
氏	Thị	Họ	一 𠂔 氏 氏	氓
气	Khí	Hơi	ノ ㇀ 气 气	氤
水	Thủy	Nước	丨 ㇀ 水 水	永
火	Hỏa	Lửa	丶 ㇀ 火 火	杰

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
爪	Trảo	Móng chân loài cầm thú	丿 ㇀ 𠄎 爪	爬
父	Phụ	Cha	丿 ㇀ ㇀ 父	爹
爻	Hào	Một quẻ trong kinh dịch	ノ × ㄣ 爻	爾
𠂇	Tường	Mảnh gỗ bên trái	ㄣ ㄣ ㄣ 𠂇	牂
片	Phiến	Miếng mỏng và phẳng	丿 丿 片 片	牌
牙	Nha	Cái răng	一 ㄣ 牙 牙	掌
牛	Ngưu	Con bò, trâu	丿 ㄣ ㄣ 牛	牢
犬	Khuyển	Con chó	一 ㄣ 犬 犬	友
尢	Tâm	Một hình thức khác của bộ 心	丿 ㄣ 尢 尢	忝
攴	Phác	Một hình thức khác của bộ 攴	丿 ㄣ 攴 攴	攷
灬	Hỏa	Một hình thức khác của bộ 火	ㄣ 灬 灬 灬	杰
𠂇	Trảo	Một hình thức khác của bộ 爪	一 一 𠂇 𠂇	爭
牛	Ngưu	Một hình thức khác của bộ 牛	丿 ㄣ 牛 牛	牯
王	Vương	Vua Một hình thức khác của bộ 玉	一 二 王 王	琇
冂	Võng	Một hình thức khác của bộ 冂	丿 冂 冂 冂	罕

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
月	Nhục	Một hình thức khác của bộ 月	丿 月 月 月	肝
艹	Thảo	Một hình thức khác của bộ 艹	一 十 十 十	花
辶	Sước	Một hình thức khác của bộ 辶	丶 辶 辶 辶	近
Các bộ 5 nét				
玄	Huyền	Màu đen	丶 一 一 玄 玄	率
玉	Ngọc	Châu báu	一 二 王 王 玉	璧
瓜	Qua	Cây dưa	丶 丿 瓜 瓜 瓜	瓠
甘	Cam	Ngọt	一 十 廿 廿 甘	甜
生	Sinh	Sống, đẻ ra	丶 乚 乚 牛 生	產
用	Dụng	Dùng	丿 月 月 月 用	甫
田	Điền	Ruộng	丨 冂 田 田 田	男
疋	Sơ	Chân	一 丌 丌 疋 疋	楚
疒	Nạch	Tật bệnh	丶 一 广 广 疒	疰
𠂔	Bát	Đập ra	丿 丿 𠂔 𠂔 𠂔	發
白	Bạch	Màu trắng	丶 丿 白 白 白	泉

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
皮	Bì	Da	㇏ 尸 𠂔 𠂔 皮	皺
皿	Mẫ	Đồ bát đĩa	㇏ 冂 𠂔 𠂔 皿	盥
目	Mục	Mắt	丨 冂 月 月 目	盱
矛	Mâu	Một loại binh khí có cán dài, mũi nhọn	㇏ ㇏ ㇏ 矛 矛	務
矢	Thi	Tên để bắn cung	ノ 乚 乚 𠂔 矢	知
石	Thạch	Đá	一 丿 丌 石 石	茗
示	Kỳ	Thần đất	一 二 亅 示 示	柴
肉	Nhụ	Vết chân thú	丨 冂 肉 肉 肉	𪚩
禾	Hòa	Lúa	一 二 千 禾 禾	利
穴	Huyệt	Hang, hố, lỗ	丶 丶 宀 宀 穴	窯
立	Lập	Đứng thẳng	丶 丶 宀 立 立	童
水	Thủy	Một hình thức khác của bộ 冫	丨 丨 冫 冫 水	求
疋	Sơ	Một hình thức khác của bộ 疋	一 丨 丌 疋 疋	疋
疋	Sơ	Một hình thức khác của bộ 疋	㇏ ㇏ 𠂔 疋 疋	蔬
四	Mục	Một hình thức khác của bộ 四	丨 冂 𠂔 𠂔 四	眾

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
𠂇	Võng	Một hình thức khác của bộ 𠂇	𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇	罪
𠂇	Y	Một hình thức khác của bộ 𠂇	𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇	袂
Các bộ 6 nét				
竹	Trúc	Cây tre	ノ 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇	筵
米	Mễ	Gạo	丶 丶 丶 𠂇 𠂇 𠂇	料
糸	Mịch	Sợi tơ nhỏ	丶 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇	紀
缶	Phũ	Đồ sành	丶 𠂇 𠂇 𠂇 缶 缶	缸
网	Võng	Cái lưới	丨 冂 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇	罟
羊	Dương	Con dê	丶 丶 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇	姜
羽	Vũ	Lông chim	丿 丿 丿 羽 羽 羽	羽
老	Lão	Già	一 十 土 𠂇 𠂇 𠂇	孝
而	Nhi	Và, rồi	一 丿 丿 𠂇 𠂇 𠂇	耍
耒	Lỗ	Cái cày	一 二 三 𠂇 𠂇 𠂇	耖
耳	Nhĩ	Tai	一 丿 丿 丿 丿 耳	聊
聿	Đuật	Bèn (phất ngừ từ)	丿 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 聿	書

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
肉	Nhục	Thịt	丨 冂 内 内 肉 肉	脛
臣	Thần	Bầy tôi	一 乚 五 五 丂 臣	臥
自	Tự	Từ, do	丿 丨 白 白 白 白	臭
白	Cầu	Cái cối để dã	丿 丨 丨 白 白 白	鼻
舌	Thiệt	Lưỡi	丿 二 千 千 舌 舌	甜
舛	Suyển	Ngang trái	丿 夕 夕 夕 舛 舛	舜
舟	Chu	Chiếc thuyền	丿 丨 力 舟 舟 舟	舠
艮	Cấn	Một quả trong kinh dịch	丿 丿 丿 艮 艮 艮	艱
色	Sắc	Vẻ, màu	丿 夕 夕 夕 夕 色	艷
艸	Thảo	Cỏ	丿 丨 艸 州 州 艸	茗
虍	Hô	Vằn con cọp	丨 丨 乚 七 七 虍	彪
虫	Trùng	Loài sâu bọ	丨 丨 丨 中 虫 虫	虻
血	Huyết	Máu	丿 丨 白 白 而 血	衃
行	Hành	Đi, làm	丿 夕 丨 行 行 行	銜
衣	Y	Cái áo	丿 二 亠 亠 衣 衣	袂

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thủ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
𠂇	Á	Che, trùm lên	一 冂 冂 冂 𠂇 𠂇	𠂇
𠂇	Trúc	Một hình thức khác của bộ 𠂇	ノ 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇	𠂇

Các bộ 7 nét

見	Kiến	Trông thấy	丨 冂 月 月 目 見 見	觀
角	Giác	Sừng thú, góc	丿 𠂇 𠂇 角 角 角 角	觚
言	Ngôn	Lời nói	一 二 三 言 言 言 言	訂
谷	Cốc	Khe, Hang núi	丿 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇	𠂇
豆	Đậu	Cây đậu	一 冂 冂 冂 冂 豆 豆	𠂇
豕	Thỉ	Con heo	一 冂 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 豕	豨
豸	Trĩ	Loài sáu không có chân	丿 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇	𠂇
貝	Bối	Vật quý báu	丨 冂 月 月 目 貝 貝	則
赤	Xích	Màu đỏ	一 十 土 𠂇 𠂇 赤 赤	赧
走	Tẩu	Chạy	一 十 土 𠂇 𠂇 𠂇 走	𠂇
足	Túc	Chân, dầy đủ	丨 口 口 𠂇 𠂇 𠂇 足	𠂇
身	Thân	Mình, thân thể	丿 丨 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 身 身	𠂇

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
車	Xa	Cái xe	一 厂 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 車	𨋖
辛	Tân	Cay	、 十 十 十 立 立 辛	𣎵
辰	Thần (Thần)	Ngôi thứ 5 của hàng chi	一 厂 尸 尸 尸 辰 辰	辱
邑	Ấp	Vùng đất nhỏ	、 𠂇 𠂇 𠂇 邑 邑 邑 邑	邕
酉	Dậu	Ngôi thứ 10 của hàng chi	一 厂 𠂇 𠂇 𠂇 酉 酉 酉	酎
采	Biện	Phân biệt	一 一 一 一 采 采 采 采	釋
里	Lí	Làng, dặm	、 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 𠂇 里 里	野
Các bộ 8 nét				
金	Kim	Vàng	ノ 人 人 人 金 金 金 金	鈞
長	Trường	Dài, lâu	一 一 一 一 長 長 長 長	𨔵
門	Môn	Cửa	一 一 一 一 門 門 門 門	閨
阜	Phụ	Núi đất	、 一 一 一 阜 阜 阜 阜	阨
隶	Đãi	Kíp	ㄣ ㄣ ㄣ 隶 隶 隶 隶	隸
隹	Chuy	Loài chim đuôi ngắn	ノ 一 一 一 隹 隹 隹 隹	雉
雨	Vũ	Mưa	一 一 一 雨 雨 雨 雨	雩

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thủ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
髟	Tiểu (bưu)	Tóc dài lượn thướt		髦
鬥	Đấu	Đánh nhau		鬪
鬣	Sưởng	Rượng nếp		鬃
鬲	Cách	Tên một nước nhỏ thời xưa		融
鬼	Quỷ	Con ma		魂

Các bộ 11 nét

魚	Âm	Tiếng	魚	魯
鳥	Hiệt	Đầu trang giấy	鳥	鳩
鹵	Phong	Gió	鹵	鹹
鹿	Thực	Ăn	鹿	塵
麥	Thủ	Dầu	麥	麩
麻	Hương	Mùi thơm	麻	麾

Các bộ 12 nét

黃	<i>Hoàng</i>	<i>Màu vàng</i>	一 二 三 四 五 六 七 八 九 十 廿 卅 肆 伍 陸 柒 捌 玖 拾 黃	翼
黍	<i>Thử</i>	<i>Lúa nếp</i>	一 二 三 四 五 六 七 八 九 十 廿 卅 肆 伍 陸 柒 捌 玖 拾 黍	黎

Bộ	Tên gọi	Nghĩa	Thứ tự các nét khi viết	Chữ thuộc bộ này
黑	Hắc	Màu đen	一 冂 冂 冂 冂 冂 冂 甲 里 里 里 黑 黑	墨
Các bộ 13 nét trở lên				
黽	Mãnh	Cố gắng	一 乚 乚 乚 乚 乚 乚 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔	鼃
鼎	Đỉnh	Cái vạc	一 冂 冂 冂 冂 冂 冂 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔	鼎
鼓	Cổ	Cái trống	一 十 十 十 十 十 十 音 音 音 𠂔 𠂔 𠂔	鼙
鼠	Thủ	Con chuột	一 一 一 一 一 一 一 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔	鼯
鼻	Tỵ	Mũi	一 一 一 一 一 一 一 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔	鼷
齊	Tề	Đều không so le	一 一 一 一 一 一 一 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔	齋
齒	Xỉ	Răng Tuổi tác	一 一 一 一 一 一 一 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔	齡
龍	Long	Con rồng	一 一 一 一 一 一 一 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔 𠂔	龐

Một vài lưu ý về số lượng bộ thủ:

Bộ thủ bắt đầu từ thời Đông Hán (25 – 220) do Hứa Thận soạn ra trong cuốn Thuyết Văn Giải Tự gồm có khoảng hơn 9300 chữ hán được phân theo 540 nhóm gọi là bộ thủ. Về sau nhiều nhà nguyên cứu hán tự lại đưa ra số lượng các bộ thủ không thống nhất với nhau, cho đến Đời Minh, trong cuốn Tự Hối của Mai Ứng Tộ thì có 214 bộ, bộ Khang Hi Tự Điển, Trung Hoa Đại Từ Điển, Từ Hải đều dùng 214 bộ, riêng bộ

Từ Nguyên thì có 243 bộ, hiện nay bộ Hiện Đại Hán Ngữ Từ Điển thì dùng 188 bộ, nhìn chung kể từ Mai Ưng Tộ của đời Minh trở về sau thì thường dùng 214 bộ thủ mà chúng ta thường gọi là những bộ thủ truyền thống, gần đây do vấn đề giản hóa chữ viết (một số chữ từ dạng phồn thể được giản lược bớt một số nét hoặc bộ phận... để trở thành một chữ đơn giản hơn gọi là chữ giản thể), nhà nước Trung Hoa đã đề nghị thống nhất phương pháp tra chữ hán theo 201 bộ thủ gọi là Thống Nhất Hán Tự Tra Tự Pháp, trong tập sách nhỏ này tôi có lược bớt một số bộ thủ như bộ Dục, bộ Quy, bộ Cửu, bộ Chỉ. Về cách viết chúng, thì cũng tương tự như các bộ đã viết ở trên mà thôi, một vài điều mà chúng ta cần lưu ý là:

- Bộ thủ là thành tố cơ bản tạo nên loại chữ hợp thể.
- Hầu hết các bộ thủ tồn tại dưới dạng là chữ độc thể.
- Một số bộ không tồn tại độc lập dưới dạng là chữ.
- Một số bộ thay đổi hình dạng và cách viết khi kết hợp trong việc tạo chữ.
- Các nghĩa của bộ thủ được ghi ở trên chỉ là những nghĩa chính chúng có thể có vài nghĩa khác tùy theo lúc sử dụng trong việc tạo câu...

Trước khi đi vào phần tập viết chữ hán, tôi muốn nhấn nhủ cùng người học việc tập viết các bộ thủ là điều tối quan trọng quyết định sự thành công trong việc học của bạn, hãy nhớ kỹ cách viết, thông thuộc các bộ, mỗi bộ có bao nhiêu nét, với cách làm ấy tin chắc rằng bạn sẽ vững chải tiến xa hơn trong việc học ngoại ngữ này.

TẬP VIẾT

⁸ 刺	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇		
⁶ 次	丶	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ				
¹⁵ 聰	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	聰	聰	聰	聰	聰					
⁴ 从	ノ	人	从	从						
¹¹ 粗	丶	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ
	粗									
⁹ 促	ノ	人	从	从	从	从	从	从	促	
¹⁵ 醋	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	醋	醋	醋	醋	醋					
¹¹ 猝	ノ	人	从	从	从	从	从	从	从	从
	猝									

⁶ 产	丿	ㄣ	ㄣ	ㄣ	立	产				
⁴ 长	ノ	一	长	长						
⁹ 尝	丨	丨	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	尝	尝	
¹¹ 常	丨	丨	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	常	常	常
	常									
⁷ 肠	丿	月	月	月	肠	肠	肠			
⁶ 场	一	十	土	场	场	场				
² 厂	一	厂								
¹¹ 唱	丨	口	口	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	唱	唱	唱
	唱									
¹⁰ 倡	ノ	亻	亻	倡	倡	倡	倡	倡	倡	倡
⁷ 抄	一	扌	扌	扌	扌	抄				

9	帝	丶	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	帝	
8	典	丿	冂	冂	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	典	
9	点	丶	丶	丶	丶	丶	丶	丶	点	
8	店	丶	ㄣ	广	广	店	店	店	店	
5	电	丿	冂	冂	电					
6	吊	丿	冂	冂	吊	吊				
10	调	丶	讠	讠	讠	讠	调	调	调	调
8	钓	丿	人	人	人	人	钓	钓		
11	掉	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌
	掉									
12	跌	丶	冂	冂	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	跌	跌								

9	穿	丶	八	宀	宀	宀	宀	宀	宀	穿	穿	
6	传	ノ	亻	亻	亻	传	传					
11	船	丿	舟	舟	舟	舟	舟	舟	舟	舟	船	船
	船											
12	窗	丶	八	宀	宀	宀	宀	宀	宀	窗	窗	窗
	窗		窗									
6	创	ノ	人	令	仓	创	创					
7	床	丶	亠	广	广	床	床	床				
6	闯	丶	丨	门	门	闯	闯					
7	吹	丿	口	口	口	吹	吹	吹				
9	春	一	二	三	𠂇	𠂇	表	春	春	春		
10	唇	一	厂	厂	尸	尸	唇	唇	唇	唇	唇	唇

¹¹ 得	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	得
	得									
¹⁵ 德	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	德
	德	德	德	德	德					
¹² 登	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	登
	登	登								
⁶ 灯	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	灯				
¹² 等	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	等
	等	等								
⁷ 低	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	低	低			
¹⁴ 滴	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	ㄊ	滴
	滴	滴	滴	滴						

⁷ 吵	丿	口	口	叫	叫	叫	吵			
⁴ 车	一	𠂇	𠂇	车						
⁷ 彻	丿	夕	夕	𠂇	𠂇	彻	彻			
¹¹ 晨	丿	口	口	日	日	𠂇	𠂇	晨	晨	晨
	晨									
⁷ 沉	丿	シ	シ	シ	シ	沉	沉			
⁸ 衬	丿	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	衬	衬			
¹² 趁	一	十	土	丰	丰	走	走	走	趁	趁
	趁	趁								
¹⁰ 称	一	二	千	禾	禾	禾	禾	称	称	称
⁸ 承	一	了	了	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	承		
¹⁰ 乖	一	二	千	千	千	千	乖	乖	乖	乖

13 愁	一	二	千	禾	禾	禾	禾	秒	秋	秋
	愁	愁	愁							
10 臭	丿	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	臭	臭	臭
5 出	ㄥ	ㄥ	中	出	出					
7 初	丿	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	初	初			
12 厨	一	厂	厂	厂	厂	厂	厂	厨	厨	厨
	厨	厨								
9 除	丿	尸	尸	尸	尸	除	除	除		
10 础	一	厂	𠂇	石	石	石	石	础	础	础
13 楚	一	十	才	木	木	木	木	林	楚	楚
	楚	楚	楚							
5 处	ノ	夕	夕	处	处					

16 壁	丩	𠂔	尸	尸	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔				
4 币	一	一	一	币						
10 秘	一	二	千	禾	禾	禾	私	私	秘	秘
6 闭	一	一	门	门	闭	闭				
5 边	一	力	力	边	边					
12 编	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	编	编
	编	编								
12 遍	一	一	一	户	户	肩	肩	肩	肩	遍
	遍	遍								
8 变	一	一	一	一	一	一	变	变		
9 便	一	一	一	一	一	一	便	便		

¹⁰ 脆	丿	月	月	月	月	月	月	月	月	脆
⁷ 村	一	十	才	木	木	村	村			
⁶ 存	一	丿	才	存	存	存				
³ 寸	一	寸	寸							
¹³ 错	ノ	ノ	ノ	ノ	金	金	金	金	金	错
	错	错	错							
¹¹ 措	一	十	才	扌	扌	扌	扌	扌	扌	措
	措									
¹² 搭	一	十	才	扌	扌	扌	扌	扌	扌	搭
	搭	搭								
¹² 答	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	竹	竹	竹	答
	答	答								

⁹ 待	ノ	夕	彳	彳	彳	彳	彳	待	待	
⁹ 帶	一	十	卅	卅	卅	卅	卅	帶	帶	
¹⁷ 戴	一	十	土	土	吉	吉	吉	吉	查	查
	查	查	查	查	戴	戴	戴			
⁵ 代	ノ	彳	彳	代	代					
¹¹ 袋	ノ	彳	彳	代	代	代	代	袋	袋	袋
	袋									
⁸ 单	ノ	ノ	ノ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	单		
¹⁰ 耽	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	耳	耳	耽	耽	耽
⁸ 担	一	十	才	扌	扌	扌	扌	担		
⁹ 胆	ノ	月	月	月	月	月	月	胆		
⁷ 但	ノ	彳	彳	但	但	但	但			

⁶ 当	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇				
⁹ 挡	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	挡	挡	
¹⁰ 党	丷	丷	丷	丷	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	党
² 刀	𠂇	刀								
⁷ 岛	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇			
⁶ 导	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	导	导			
¹⁰ 倒	丿	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	倒	倒
⁸ 到	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	到	到		
¹² 道	·	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	道	道								
¹⁵ 稻	一	二	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	稻	稻	稻	稻	稻					

⁵ 北	丨	丿	㇀	㇁	北					
⁸ 备	ノ	夕	夕	冬	各	各	备	备		
¹⁰ 被	丶	㇀	㇁	㇂	㇃	初	初	初	被	被
¹⁰ 倍	ノ	イ	イ	仁	仁	位	位	位	倍	倍
⁵ 本	一	十	才	木	本					
¹¹ 笨	ノ	㇀	㇁	㇂	㇃	笨	笨	笨	笨	笨
	笨									
¹⁴ 鼻	丶	㇀	㇁	㇂	㇃	鼻	鼻	鼻	鼻	鼻
	鼻	鼻	鼻	鼻						
¹⁰ 笔	ノ	㇀	㇁	㇂	㇃	笔	笔	笔	笔	笔
⁴ 比	一	㇀	㇁	比						
⁶ 毕	一	㇀	㇁	比	比	毕				

15	镑	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ
		鈔	鈔	鈔	鈔	鈔				
5	包	ノ	ノ	ノ	ノ	包				
16	薄	一	一	一	一	一	一	一	一	一
		薄	薄	薄	薄	薄	薄			
8	宝	ノ	ノ	ノ	ノ	宝	宝	宝		
9	保	ノ	ノ	ノ	ノ	保	保	保	保	
8	饱	ノ	ノ	ノ	ノ	饱	饱	饱		
8	抱	一	一	一	一	抱	抱	抱		
7	报	一	一	一	一	报	报			
9	背	一	一	一	一	背	背	背		
8	杯	一	一	一	一	杯	杯	杯		

7 补	丶	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	补			
4 不	一	ㄣ	ㄣ	不						
5 布	一	ㄣ	ㄣ	右	布					
10 部	丶	ㄣ	ㄣ	ㄣ	立	音	音	音	部	部
7 步	丨	丨	止	止	步	步				
17 擦	一	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨
	擦	擦	擦	擦	擦	擦	擦			
11 猜	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	猜	猜	猜
	猜									
3 才	一	才	才							
7 材	一	才	才	才	材	材				
8 采	一	采	采	采	采	采	采			

¹⁰ 冥	丶	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	宜	冥	冥
⁷ 兵	一	㇀	㇀	㇀	丘	兵	兵			
⁶ 冰	丶	㇀	㇀	冰	冰	冰				
⁹ 饼	ノ	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	饼	饼	
⁶ 并	丶	㇀	㇀	㇀	并	并				
¹⁰ 病	丶	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	病	病	病
² 卜	丨	卜								
⁹ 玻	一	二	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	玻	玻	
⁸ 拔	一	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	拔	拔	
¹⁵ 播	一	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀
	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀					
⁷ 伯	ノ	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀	㇀			

9 測	丶	丶	丶	丶	冫	冫	冫	冫	測	測	
12 策	ノ	ノ	ノ	ノ	竹	竹	竹	竹	策	策	策
	第	策									
7 层	冫	冫	尸	尸	层	层	层				
12 曾	丶	丶	冫	冫	冫	冫	冫	冫	曾	曾	
	曾	曾									
12 插	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	插	插	插
	插	插									
3 叉	ノ	又	叉								
9 差	丶	丶	丷	丷	丷	丷	差	差	差	差	
9 茶	一	一	艹	艹	艹	艹	茶	茶	茶	茶	

⁶ 丢	一	二	千	王	丢	丢				
⁵ 东	一	ㄣ	东	东	东					
⁵ 冬	ノ	夕	冬	冬	冬					
¹⁵ 懂	、	、	、	、	、	、	、	、	、	、
	懂	懂	懂	懂	懂					
⁶ 动	一	二	云	云	动	动				
⁷ 冻	、	、	、	、	冻	冻	冻			
⁹ 洞	、	、	、	、	洞	洞	洞	洞	洞	
¹⁰ 都	一	十	土	才	才	者	者	者	都	都
⁷ 抖	一	、	、	、	、	抖	抖			
⁴ 斗	、	、	、	斗						
⁷ 豆	一	、	、	、	豆	豆	豆			

8 范	一	一	二	二	二	二	二	范		
7 泛	丶	丶	丶	丶	丶	丶	泛			
4 方	丶	一	一	方						
6 防	丿	冂	冂	冂	防	防				
7 妨	乚	女	女	女	女	妨	妨			
8 房	丶	宀	宀	户	户	户	房	房		
6 仿	ノ	亻	亻	仁	仿	仿				
6 访	丶	讠	讠	讠	访	访				
7 纺	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纺			
8 放	丶	一	一	方	方	方	放	放		
3 飞	乙	飞	飞							
8 非	丨	丨	丨	丨	非	非	非	非		

¹³ 滚	丶	丶	丶	丶	丶	丶	丶	丶	丶	丶
	滚	滚	滚							
¹² 锅	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ
	锅	锅								
⁸ 国	丨	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂		
⁸ 果	丨	口	口	口	旦	卑	果	果		
⁶ 过	一	寸	寸	寸	寸	过				
⁹ 哈	丨	口	口	口	口	口	口	口	口	
⁹ 孩	ㄣ	了	子	子	子	子	子	子	子	
⁷ 还	一	丂	不	不	不	还	还			
¹⁰ 海	丶	丶	丶	丶	丶	丶	丶	丶	丶	丶
¹⁰ 害	丶	ハ	宀	宀	宀	宀	宀	宀	宀	宀

¹² 割	丶	ㄥ	ㄥ	ㄥ	ㄥ	ㄥ	ㄥ	ㄥ	害	害
	害	割								
¹⁰ 胳膊	丿	月	月	月	月	肘	肘	肘	胳膊	胳膊
¹² 搁	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	搁	搁
	搁	搁								
¹⁰ 格	一	十	才	木	木	木	木	格	格	格
¹² 隔	丿	阝	阝	阝	阝	阝	阝	隔	隔	隔
	隔	隔								
⁹ 革	一	一	艹	艹	艹	艹	艹	革	革	
³ 个	ノ	人	个							
⁶ 各	ノ	夕	夕	冬	冬	冬	冬			
⁹ 给	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	给	给	

14	管	ノ	ㄣ	ㄥ	ㄨ	ㄩ	ㄣ	ㄥ	ㄨ	ㄩ	管
		管	管	管	管						
8	贯	ㄥ	口	田	田	田	田	田	田		
11	惯	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	惯	惯
		惯									
23	罐	ノ	ㄣ	ㄥ	ㄨ	ㄩ	ㄣ	ㄥ	ㄨ	ㄩ	罐
		罐	罐	罐	罐	罐	罐	罐	罐	罐	罐
		罐	罐	罐							
6	光	ノ	ノ	ノ	ノ	光	光				
3	广	ノ	ノ	广							
10	逛	ノ	ノ	ノ	ノ	逛	逛	逛	逛	逛	逛
8	规	一	二	夫	夫	夫	规	规	规		

⁹ 界	丩	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	界	界	
⁸ 届	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	届		
¹⁰ 借	ノ	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	借	借	借
⁴ 介	ノ	𠂔	𠂔	𠂔						
⁸ 金	ノ	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	金		
³ 巾	丩	𠂔	巾							
⁴ 斤	ノ	𠂔	𠂔	斤						
⁴ 今	ノ	𠂔	𠂔	今						
¹³ 禁	一	十	才	木	木	材	材	林	林	禁
	禁	禁	禁							
⁹ 津	丩	丩	丩	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	津	
¹⁰ 紧	丩	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	紧	紧

⁷ 角	ノ	ㄣ	尸	角	角	角	角			
⁵ 叫	丨	口	口	叫	叫					
¹⁰ 校	一	十	才	木	木	木	木	木	木	校
¹⁰ 较	一	土	车	车	车	车	车	车	车	较
⁹ 觉	、	、	、	、	、	、	、	、	、	觉
⁶ 阶	丿	尸	尸	阶	阶	阶				
¹² 街	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	街
	街	街								
¹¹ 接	一	十	才	扌	扌	扌	扌	扌	接	接
	接									
⁹ 结	ノ	纟	纟	纟	纟	纟	纟	结	结	
⁵ 节	一	一	一	节	节					

⁹ 奖	、	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	𠂔	𠂔	𠂔	
¹³ 𦵑	、	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	𠂔	𠂔	𠂔	𦵑
	𦵑	𦵑	𦵑								
⁸ 降	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	降			
¹² 焦	ノ	イ	イ	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	焦	焦									
¹⁵ 蕉	一	一	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	蕉	蕉	蕉	蕉	蕉						
¹¹ 教	一	+	土	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	教										
⁹ 骄	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔		
⁶ 交	、	一	一	一	一	交					

12	踐	丷	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	踐
	踐	踐									
8	建	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	建	建			
10	健	ノ	イ	仁	仁	仁	仁	仁	健	健	健
13	鍵	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ
	鍵	鍵	鍵								
6	件	ノ	イ	イ	仁	仁	件				
4	见	丨	𠂔	𠂔	见						
11	漸	、	、	、	、	、	、	、	、	、	漸
	漸										
9	荐	一	一	一	一	一	一	一	荐	荐	
6	江	、	、	、	、	江	江				

12	踐	丷	口	口	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	踐
	踐	踐									
8	建	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	建	建			
10	健	ノ	イ	仁	仁	仁	仁	健	健	健	
13	鍵	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	
	鍵	鍵	鍵								
6	件	ノ	イ	仁	仁	仁	件				
4	见	丨	口	见	见						
11	漸	、	、	、	、	、	、	、	、	、	漸
	漸										
9	荐	一	一	一	一	一	荐	荐	荐		
6	江	、	、	、	、	江	江				

6尖	丷	小	小	尖	尖				
7坚	丨	丨	丨	坚	坚	坚			
8肩	丷	肩	肩	肩	肩	肩	肩		
8艰	丷	艰	艰	艰	艰	艰	艰		
10兼	丷	兼	兼	兼	兼	兼	兼	兼	兼
7间	丷	间	间	间	间	间			
13简	丷	简	简	简	简	简	简	简	简
	简	简	简						
11减	丷	减	减	减	减	减	减	减	减
	减								
8拣	扌	扌	扌	扌	扌	扌	拣		
10捡	扌	扌	扌	扌	扌	扌	捡	捡	捡

8	季	一	二	千	禾	禾	季	季		
9	既	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	既	既	
11	寄	、	、	、	、	、	、	寄	寄	寄
	寄									
5	加	𠂇	力	加	加	加				
6	夹	一	一	一	一	夹	夹			
10	家	、	、	、	、	、	、	家	家	家
15	稼	一	二	千	禾	禾	禾	禾	稼	稼
	稼									
11	假	ノ	イ	イ	イ	イ	イ	假	假	假
	假									
9	架	𠂇	力	加	加	加	架	架	架	

⁹ 钢	ノ	ノ	ノ	ノ	金	金	钢	钢	钢	
⁷ 纲	ノ	ノ	ノ	ノ	纲	纲	纲			
¹² 港	ノ	ノ	ノ	ノ	港	港	港	港	港	港
	港	港								
¹⁶ 糕	ノ	ノ	ノ	ノ	糕	糕	糕	糕	糕	糕
	糕	糕	糕	糕	糕	糕				
¹⁴ 膏	ノ	ノ	ノ	ノ	膏	膏	膏	膏	膏	膏
	膏	膏	膏	膏						
¹⁰ 高	ノ	ノ	ノ	ノ	高	高	高	高	高	高
¹³ 搞	ノ	ノ	ノ	ノ	搞	搞	搞	搞	搞	搞
	搞	搞	搞							
⁷ 告	ノ	ノ	ノ	告	告	告	告			

⁹ 挥	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	挥	
¹² 辉	丨	丨	丨	丨	步	光	光	光	光	光
	辉	辉								
⁶ 回	丨	冂	冂	冂	回	回				
¹⁰ 悔	、	忄	忄	忄	忄	悔	悔	悔	悔	悔
⁶ 会	ノ	人	人	人	会	会				
⁸ 昏	一	尸	尸	氏	氏	昏	昏	昏		
¹¹ 婚	レ	女	女	女	女	女	女	女	婚	婚
	婚									
¹¹ 混	、	氵	氵	氵	混	混	混	混	混	混
	混									
⁹ 活	、	氵	氵	氵	活	活	活	活	活	

⁶ 划	一	乚	戈	戈	戈	划	划				
⁸ 画	一	冫	冫	冫	冫	画	画	画	画		
⁴ 化	ノ	亻	亻	化							
⁸ 话	讠	讠	讠	讠	讠	话	话	话	话		
⁷ 怀	忄	忄	忄	怀	怀	怀	怀				
⁷ 坏	一	土	土	坏	坏	坏	坏				
⁶ 欢	フ	又	又	欢	欢	欢					
⁸ 环	一	王	王	王	王	环	环	环	环		
¹⁰ 换	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	换	换	换	换
¹² 慌	忄	忄	忄	慌	慌	慌	慌	慌	慌	慌	慌
	慌	慌									
⁹ 皇	丩	白	白	白	白	皇	皇	皇	皇		

⁶ 后	一	厂	尸	斤	后	后				
⁹ 厚	一	厂	尸	尸	尸	厚	厚	厚	厚	
⁵ 乎	一	丿	丿	立	乎					
⁸ 呼	丨	口	口	口	呼	呼	呼	呼		
⁸ 忽	ノ	勹	勹	勿	忽	忽	忽	忽		
⁹ 胡	一	十	古	古	古	胡	胡	胡	胡	
¹² 湖	丶	丶	汜	汜	汜	汜	沽	沽	湖	湖
	湖	湖								
¹⁵ 糊	丶	二	半	半	半	半	半	半	半	半
	粘	糊	糊	糊	糊					
¹⁰ 壺	一	十	士	士	士	壺	壺	壺	壺	壺
⁸ 虎	丶	上	广	广	虎	虎	虎	虎		

¹⁰ 获	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	获	获	获
⁸ 货	ノ	ノ	ノ	化	化	伴	货	货		
⁸ 或	一	一	𠂇	𠂇	𠂇	或	或	或		
² 几	ノ	几								
⁶ 机	一	十	才	才	机	机				
¹⁰ 积	一	二	千	禾	禾	禾	和	和	和	积
⁷ 鸡	ノ	又	又	𠂇	𠂇	鸡	鸡			
¹⁶ 激	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇				
¹¹ 基	一	十	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	其	其	基	基
	基									
⁸ 奇	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	奇		

⁶ 合	ノ	人	合	合	合	合				
¹¹ 盒	ノ	人	合	合	合	合	合	合	合	合
	盒									
⁹ 贺	ㄣ	力	加	加	加	加	贺	贺	贺	
¹² 黑	丿	冂	冂	冂	回	甲	里	里	里	黑
	黑	黑								
¹⁵ 嘿	丿	口	口	口	叩	叩	叩	叩	叩	嘿
	嘿	嘿	嘿	嘿	嘿					
⁹ 很	ノ	彡	彡	彡	彡	彡	很	很	很	
⁹ 恨	丿	心	心	心	心	心	恨	恨	恨	
¹⁰ 哼	丿	口	口	口	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	哼	哼
⁶ 红	ノ	纟	纟	纟	纟	红				

¹² 集	ノ	イ	イ	伀	伀	伀	佳	佳	隹	隹
	集	集								
¹⁰ 疾	、	ニ	广	广	广	广	疒	疒	疒	疾
⁹ 挤	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	挤	挤	
⁹ 济	、	、	氵	氵	氵	氵	汶	济	济	
³ 己	ㄣ	コ	己							
⁵ 记	、	讠	讠	讠	记					
⁶ 纪	ㄥ	纟	纟	纟	纟	纪				
¹⁰ 继	ㄥ	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	继
¹¹ 绩	ㄥ	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	绩
	绩									
⁴ 计	、	讠	讠	计						

15	憾	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	憾
	憾	憾	憾	憾	憾	憾				
5	汉	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	汉				
6	汗	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	汗				
10	航	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	航
6	行	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	行				
11	毫	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	毫
	毫									
5	号	𠂆	𠂆	𠂆	号					
6	好	𠂆	𠂆	𠂆	好	好				
12	喝	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	喝	喝
	喝	喝								

8 贯	乚	口	田	𠂇	𠂇	𠂇	贯	贯		
11 惯	、	、	、	、	、	、	、	、	、	、
	惯									
23 罐	ノ	乚	乚	牛	缶	缶	缶	缶	缶	缶
	罐	罐	罐	罐	罐	罐	罐	罐	罐	罐
	罐	罐	罐							
6 光	、	、	、	光	光	光				
3 广	、	、	广							
10 逛	ノ	、	、	、	、	、	、	、	、	、
8 规	、	、	、	、	、	、	规	规		
9 鬼	、	、	、	、	、	、	鬼	鬼	鬼	
9 贵	、	、	、	、	、	、	贵	贵	贵	

⁵ 古	一	十	十	古	古					
⁹ 故	一	十	十	古	古	古	古	故	故	
⁸ 固	丨	冂	冂	冂	冂	冂	冂	固		
¹⁰ 顾	一	厂	厂	厂	厂	厂	厂	顾	顾	顾
⁵ 瓜	一	厂	厂	瓜	瓜					
⁸ 刮	一	二	千	千	舌	舌	舌	刮		
⁹ 挂	一	十	才	扌	扌	扌	挂	挂	挂	
⁸ 拐	一	十	才	扌	扌	扌	拐	拐		
⁸ 怪	丨	丨	丨	丨	丨	怪	怪	怪		
⁶ 关	丨	丨	丨	丨	关	关				
⁶ 观	丨	丨	丨	丨	观	观				
⁹ 冠	丨	丨	丨	丨	冠	冠	冠	冠		

⁹ 故	一	十	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	故	
⁸ 固	丨	冂	冂	冂	冂	冂	冂	固		
¹⁰ 顾	一	厂	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	顾	顾	顾
⁵ 瓜	一	厂	𠂇	瓜	瓜					
⁸ 刮	一	二	𠂇	𠂇	舌	舌	刮	刮		
⁹ 挂	一	十	才	才	扌	扌	挂	挂	挂	
⁸ 拐	一	十	才	才	扌	扌	拐	拐		
⁸ 怪	丨	ハ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	怪	怪		
⁶ 关	丶	丶	𠂇	𠂇	𠂇	关				
⁶ 观	𠂇	又	𠂇	𠂇	𠂇	观				
⁹ 冠	丶	一	一	一	𠂇	冠	冠	冠	冠	
⁸ 官	丶	ハ	𠂇	𠂇	𠂇	官	官	官		

11	密	、	八	宀	宀	宀	宀	宀	宀	宀	密
	密										
14	蜜	、	八	宀	宀	宀	宀	宀	宀	宀	蜜
	蜜	蜜	蜜	蜜							
12	棉	一	十	才	木	木	木	木	木	木	棉
	棉	棉									
7	免	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	免			
9	勉	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	免	勉	勉	
9	面	一	一	一	而	而	而	而	面	面	
11	描	一	十	才	扌	扌	扌	扌	扌	扌	描
	描										
9	秒	一	二	千	禾	禾	禾	禾	禾	秒	

¹³ 縫	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	縫	縫	縫							
⁷ 佛	ノ	イ	仁	仁	侶	佛	佛			
⁷ 否	一	フ	不	不	不	否	否			
⁴ 夫	一	二	夫	夫						
⁸ 肤	ノ	月	月	月	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔		
⁷ 扶	一	才	才	才	扶	扶	扶			
¹⁰ 浮	、	、	、	、	、	、	、	、	浮	浮
¹³ 福	、	フ	才	才	才	福	福	福	福	福
	福	福	福							
¹² 幅	一	口	巾	巾	巾	巾	巾	巾	幅	幅
	幅	幅								

⁵ 对	ㄅ	又	又	对	对					
⁴ 队	ㄣ	ㄆ	ㄆ	队						
⁷ 吨	ㄣ	ㄆ	ㄆ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	吨			
¹⁹ 蹲	ㄣ	ㄆ	ㄆ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ
	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	蹲	蹲	
¹⁰ 顿	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	顿	顿	顿
⁹ 盾	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	盾	盾	盾	
⁶ 多	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ				
⁶ 夺	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ				
⁶ 朵	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ				
¹³ 躲	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	躲	躲	躲	
	躲	躲	躲							

⁷ 甫	一	厂	万	月	月	南	甫			
¹¹ 辅	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	辅									
¹² 傅	ノ	イ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	傅	傅								
¹² 富	、	ハ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	富	富								
¹¹ 副	一	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	副									
⁴ 父	ノ	ハ	𠂇	父						
⁵ 付	ノ	イ	𠂇	付	付					
⁸ 咐	、	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	咐	咐		

7	改	ㄎ	ㄎ	ㄖ	ㄖ	ㄖ	改	改			
13	概	一	十	才	木	木	木	木	木	木	概
		概	概	概							
11	盖	、	、	兰	兰	羊	羊	羊	羊	羊	盖
		盖									
3	干	一	二	干							
7	杆	一	十	才	木	木	杆	杆			
7	肝	丿	月	月	月	肝	肝	肝			
10	赶	一	十	土	丰	丰	丰	走	走	走	赶
13	感	一	厂	厂	厂	后	后	咸	咸	咸	咸
		感	感	感							
11	敢	ㄎ	二	子	开	开	开	耳	耳	耳	敢

¹⁰ 读	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	读	读
¹¹ 堵	土	土	土	土	土	土	土	堵	堵	堵
	堵									
² 肚	月	月	月	月	月	肚	肚			
⁹ 度	广	广	广	广	广	度	度	度		
¹² 渡	氵	氵	氵	氵	氵	渡	渡	渡	渡	渡
	渡	渡								
¹⁴ 端	立	立	立	立	立	端	端	端	端	端
	端	端	端	端						
¹² 短	矢	矢	矢	矢	矢	短	短	短	短	短
	短	短								
⁹ 段	扌	扌	扌	扌	扌	段	段	段		

9 费	一	二	三	四	五	六	七	八	九	
4 分	ノ	八	分	分						
7 纷	レ	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟		
7 吩	丨	口	口	口	口	口	口	口		
10 粉	、	、	、	、	、	、	、	、	、	、
6 份	ノ	イ	イ	イ	份	份				
8 奋	一	大	大	大	奋	奋	奋	奋		
12 愤	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨	丨
	愤	愤								
4 丰	一	二	三	丰						
4 风	ノ	几	风	风						
9 封	一	丰	丰	丰	丰	丰	丰	封	封	

⁸ 供	ノ	イ	仁	仕	供	供	供	供		
³ 工	一	丁	工							
⁵ 功	一	丁	工	巧	功					
⁷ 攻	一	丁	工	工	工	攻	攻			
⁶ 巩	一	丁	工	工	巩	巩				
⁶ 共	一	十	井	井	共	共				
⁷ 贡	一	丁	工	干	干	贡	贡			
⁸ 狗	ノ	イ	才	才	狗	狗	狗	狗		
¹¹ 够	ノ	丁	丁	丁	丁	够	够	够	够	够
	够									
⁸ 构	一	十	才	才	才	构	构	构		
⁷ 估	ノ	イ	仁	仕	仕	估	估			

⁷ 判	、	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	判	判			
⁹ 盼	丨	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	盼	盼	
⁶ 兵	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	兵				
¹⁰ 旁	、	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	旁	旁	旁	旁	旁
⁹ 胖	丿	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	胖	
¹² 跑	、	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	𠂇	跑								
⁹ 炮	、	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	炮	炮	炮	炮	
¹⁰ 陪	丨	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	陪	陪
¹² 赔	丨	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	𠂇	赔	赔							
⁸ 佩	ノ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	佩	佩	佩		

⁵ 末	一	二	丰	才	末					
¹⁰ 莫	一	十	廿	廿	廿	廿	廿	廿	莫	莫
¹³ 漠	、	、	、	、	、	、	、	、	、	、
	漠	漠	漠							
⁹ 某	一	十	廿	廿	廿	廿	廿	某	某	
⁵ 母	乚	母	母	母	母					
⁷ 亩	、	一	一	一	一	亩	亩			
⁴ 木	一	十	才	木						
⁵ 目	丨	目	目	目	目					
¹³ 睦	丨	目	目	目	目	目	目	睦	睦	睦
	睦	睦	睦							
⁸ 牧	、	、	牛	牛	牛	牛	牧	牧		

⁵ 奶	ㄣ	ㄣ	ㄣ	奶	奶					
⁹ 耐	一	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	而	而	耐	耐	
¹⁰ 难	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	难	难	难	难	难
⁷ 男	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	男	男			
⁹ 南	一	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	南	南	南	南	
¹⁰ 脑	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	脑	脑	脑	脑	脑
⁸ 闹	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	闹	闹	闹		
⁸ 呢	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	呢	呢	呢		
⁴ 内	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ						
¹⁴ 嫩	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	如	如	姊	姊	姊
	姊	姊	姊	嫩						
¹⁰ 能	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	能	能	能

6 企	ノ	人	个	个	企	企				
7 启	、	、	、	户	户	启	启			
4 气	ノ	人	人	气						
7 汽	、	、	、	汽	汽	汽	汽			
7 弃	、	、	、	弃	弃	弃	弃			
16 器	、	、	、	器	器	器	器	哭	哭	哭
	哭	哭	哭	哭	哭	哭				
10 铅	ノ	人	人	人	铅	铅	铅	铅	铅	铅
3 千	一	二	千							
9 牵	一	、	、	、	、	、	、	牵	牵	
13 签	ノ	人	人	人	签	签	签	签	签	签
	签	签	签							

¹⁴ 瘦	𠂇	𠂇	广	广	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	疒	疒
	疒	疒	瘦	瘦						
⁴ 书	冫	冫	书	书						
¹² 舒	ノ	ノ	舒	舒	舒	舒	舒	舒	舒	舒
	舒	舒								
¹⁰ 殊	一	一	殊	殊	殊	殊	殊	殊	殊	殊
⁸ 叔	一	一	叔	叔	叔	叔	叔	叔		
¹³ 输	一	一	输	输	输	输	输	输	输	输
	输	输	输							
¹⁵ 蔬	一	一	蔬	蔬	蔬	蔬	蔬	蔬	蔬	蔬
	蔬	蔬	蔬	蔬	蔬					
¹¹ 孰	一	一	孰	孰	孰	孰	孰	孰	孰	孰

11 球	一	二	千	王	王	玊	玊	玊	玊	球
	球									
4 区	一	フ	又	区						
11 渠	・	・	シ	シ	シ	シ	渠	渠	渠	渠
	渠									
8 取	一	厂	冂	冂	冂	耳	取	取		
15 趣	一	十	土	丰	丰	丰	走	走	走	趣
	趣	趣	趣	趣	趣					
5 去	一	十	土	去	去					
6 全	ノ	人	人	全	全	全				
4 劝	フ	又	劝	劝						
10 缺	ノ	土	土	缶	缶	缶	缶	缶	缺	缺

⁹ 亲	、	一	亡	立	立	立	辛	亲	亲	
⁹ 侵	ノ	イ	イ	イ	伊	伊	伊	侵	侵	
⁹ 轻	一	土	车	车	轻	轻	轻	轻	轻	
⁸ 青	一	=	丰	丰	青	青	青	青		
¹¹ 清	、	、	シ	江	江	江	清	清	清	清
	清									
¹² 晴	1	日	日	日	晴	晴	晴	晴	晴	晴
	晴	晴								
¹¹ 情	、	心	心	心	情	情	情	情	情	情
	情									
¹⁰ 请	、	讠	讠	讠	请	请	请	请	请	请
⁶ 庆	、	一	广	广	庆	庆				

⁶ 式	一	二	三	四	式	式				
⁸ 试	、	讠	讠	讠	讠	讠	试	试		
⁵ 世	一	十	廿	卅	世					
⁸ 事	一	一	一	一	事	事	事	事		
⁸ 势	一	十	才	扌	执	执	势	势		
⁸ 视	、	丌	才	禾	利	初	初	视		
⁶ 似	ノ	亻	亻	亻	似	似				
¹² 释	一	一	二	三	平	平	平	和	叙	释
	释	释								
⁶ 收	レ	月	月	収	収	收				
¹⁵ 熟	、	一	二	三	三	三	亨	亨	郭	孰
	孰	孰	孰	孰	孰					

13	群	ㄅ	ㄅ	ㄅ	尹	尹	君	君	君	君	君
	群	群	群								
12	裙	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ
	裙	裙									
12	然	ノ	夕	夕	夕	夕	夕	夕	夕	夕	夕
	然	然									
16	燃	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ
	燃	燃	燃	燃	燃	燃					
9	染	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ
20	嚷	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ
	嚷	嚷	嚷	嚷	嚷	嚷	嚷	嚷	嚷	嚷	嚷
5	让	ノ	ノ	ノ	ノ	让					

⁹ 食	ノ	人	人	今	今	今	食	食	食	
⁵ 石	一	丌	丌	石	石					
⁷ 识	、	讠	讠	讠	讠	识	识			
⁹ 拾	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	拾	拾	
⁸ 实	、	宀	宀	宀	宀	宀	实	实		
² 十	一	十								
⁸ 使	ノ	亻	亻	亻	亻	亻	使	使		
⁸ 始	レ	女	女	女	女	始	始	始		
⁵ 史	、	口	口	史	史					
⁹ 室	、	宀	宀	宀	宀	宀	宀	室	室	
⁵ 示	一	二	示	示	示					
⁹ 适	一	二	舌	舌	舌	舌	适	适		

¹⁰ 热	一	𠂇	𠂇	𠂇	执	执	执	执	热	热
² 人	ノ	人								
⁶ 任	ノ	亻	亻	仁	任	任				
⁷ 忍	ㄣ	刀	刃	刃	忍	忍	忍			
⁴ 认	丶	讠	讠	认						
⁵ 扔	一	扌	扌	扔	扔					
⁴ 仍	ノ	亻	仍	仍						
⁴ 日	丨	冂	日	日						
⁶ 戎	一	二	𠂇	戎	戎	戎				
¹⁰ 容	丶	宀	宀	宀	宀	宀	宀	容	容	容
⁹ 荣	一	艹	艹	艹	艹	艹	荣	荣	荣	
⁶ 肉	丨	冂	内	内	肉	肉				

⁶ 乒	一	厂	尸	斤	丘	乒				
⁵ 平	一	一	二	立	平					
⁷ 评	、	讠	讠	讠	讠	讠	评			
⁸ 苹	一	艹	艹	艹	艹	艹	艹	苹		
¹⁰ 瓶	、	丩	丩	丩	并	并	并	瓶	瓶	瓶
⁸ 泼	、	、	、	汜	沙	涉	泼	泼		
⁸ 坡	一	土	土	土	圪	圪	圪	坡		
¹⁰ 破	一	厂	丌	石	石	石	矿	矿	破	破
⁸ 迫	、	、	白	白	白	白	迫	迫		
⁵ 扑	一	扌	扌	扌	扑					
¹² 铺	ノ	ノ	ノ	ノ	钅	钅	钅	铺	铺	铺
	铺	铺								

³ 卫	冫	冫	卫								
⁵ 未	一	二	丰	未	未						
⁸ 味	1	口	口	口	口	味	味	味			
⁹ 畏	1	口	口	田	田	田	畏	畏	畏		
¹² 喂	1	口	口	口	口	口	口	口	口	喂	
	喂	喂									
⁹ 胃	1	口	口	田	田	田	胃	胃	胃		
¹¹ 谓	1	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	谓	谓	
	谓										
¹² 温	1	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	温	温	
	温	温									
⁴ 文	1	一	广	文							

¹³ 微	丿	ㄣ	彳	彳	彳	彳	彳	彳	彳	彳
	微	微	微							
⁶ 危	丿	ㄣ	ㄣ	尸	尸	危				
⁷ 围	丨	冂	冂	冂	冂	围	围			
⁴ 为	丶	ㄣ	为	为						
¹¹ 唯	丶	口	口	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	唯
	唯									
¹¹ 维	ㄣ	ㄣ	ㄣ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	维
	维									
⁷ 违	一	=	𠂇	韦	韦	违	违			
⁶ 伟	丿	彳	彳	彳	𠂇	伟				
⁷ 尾	ㄣ	尸	尸	尸	尸	尾				

12	善	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	善	善								
11	商	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	商									
6	伤	ノ	イ	イ	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
3	上	丨	丨	上						
10	烧	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
10	捎	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
12	稍	一	二	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	稍	稍								
3	勺	ノ	勺	勺						
4	少	丨	𠂔	𠂔						

⁹ 歪	一	丂	丂	丂	丂	丂	丂	丂	歪
⁵ 外	ノ	夕	夕	外	外				
⁹ 弯	、	一	一	一	一	一	一	弯	弯
⁷ 完	、	八	八	八	八	完	完		
⁸ 玩	一	二	王	王	王	玩	玩	玩	
¹¹ 晚	丨	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	晚								
⁸ 宛	、	八	八	八	宛	宛	宛	宛	
¹³ 碗	一	丂	丂	石	石	石	石	石	石
	碗	碗	碗						
³ 万	一	丂	万						
⁶ 网	丨	𦉳	𦉳	𦉳	𦉳	𦉳			

⁶ 舌	一	二	千	千	舌	舌				
⁸ 舍	ノ	人	人	人	舍	舍	舍	舍		
⁶ 设	、	讠	讠	讠	设	设				
¹³ 撮	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌
	撮	撮	撮							
⁷ 社	、	礻	礻	礻	社	社	社			
¹⁰ 射	、	弓	弓	弓	射	射	射	射	射	射
¹⁰ 谁	、	讠	讠	讠	谁	谁	谁	谁	谁	谁
⁷ 身	、	身	身	身	身	身	身			
¹¹ 深	、	氵	氵	氵	深	深	深	深	深	深
	深									
⁷ 伸	ノ	亻	亻	伸	伸	伸	伸			

8 若	一	十	艹	艹	艹	若	若	若		
10 弱	一	一	弓	弓	弓	弓	弓	弱	弱	弱
15 撒	一	十	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌
	扌	扌	扌	扌	扌					
9 洒	丶	丶	冫	冫	冫	冫	洒	洒	洒	
14 赛	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一
	寒	寒	寒	寒						
3 三	一	二	三							
6 伞	ノ	人	人	人	人	伞				
12 散	一	十	艹	艹	艹	艹	艹	艹	艹	艹
	散	散								
10 桑	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一

4升	一	二	千	升						
7声	一	十	士	去	去	去	声			
11绳	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟
	绳									
9省	丿	小	小	少	少	省	省	省	省	
9胜	丿	月	月	月	月	月	月	胜	胜	
12剩	一	二	千	千	千	千	千	乘	乘	乘
	剩	剩								
5失	丿	一	二	失	失					
8诗	讠	讠	讠	讠	讠	讠	诗	诗		
6师	丿	丿	丿	丿	师	师				
9狮	丿	丿	丿	丿	狮	狮	狮	狮	狮	

9 贴	丨	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	冂	
10 铁	丿	人	人	人	人	人	人	人	人	铁
4 厅	一	厂	厂	厅						
7 听	丨	口	口	口	听	听				
11 停	丿	亻	亻	亻	亻	亻	亻	亻	亻	停
	停									
9 庭	丶	宀	宀	宀	庭	庭	庭	庭	庭	
9 挺	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	挺	挺	
10 通	丿	丿	通	通	通	通	通	通	通	通
12 童	丶	立	立	立	立	童	童	童	童	童
	童	童								
6 同	丨	冂	冂	同	同	同				

⁹ 统	乚	彡	彡	彡	彡	彡	彡	彡	统	
¹¹ 桶	一	十	才	才	木	木	木	柄	桶	桶
	桶									
¹² 痛	、	一	广	广	疒	疒	疒	疒	病	病
	痛	痛								
¹¹ 偷	ノ	亻	亻	亻	亻	亻	偷	偷	偷	偷
	偷									
⁷ 投	一	扌	扌	扌	扌	扌	投			
⁵ 头	、	、	二	头	头					
¹⁰ 透	一	二	千	禾	禾	秀	秀	秀	透	透
⁹ 突	、	、	宀	宀	宀	宀	宀	突	突	
¹⁰ 涂	、	、	氵	氵	氵	氵	氵	涂	涂	涂

⁶ 扫	一	扌	扌	扌	扌	扌				
¹² 嫂	ㄣ	女	女	女	女	女	女	女	女	女
	妙	嫂								
⁶ 色	ノ	夕	夕	夕	夕	夕	色			
¹² 森	一	十	十	木	木	木	木	木	木	木
	森	森								
⁶ 杀	ノ	乂	乂	𠂆	𠂆	𠂆	杀			
⁷ 沙	、	、	、	、	、	、	沙			
¹³ 傻	ノ	亻	亻	亻	亻	亻	亻	亻	亻	亻
	傻	傻	傻							
¹⁰ 晒	丨	日	日	日	日	日	日	日	日	日
³ 山	丨	山	山							

¹¹ 戚	一	厂	厂	尸	尸	尸	尸	尸	戚	戚
	戚									
² 七	一	七								
⁸ 妻	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	妻	妻	妻		
¹² 期	一	十	廿	廿	廿	其	其	其	期	期
	期	期								
¹² 欺	一	十	廿	廿	廿	其	其	其	欺	欺
	欺	欺								
⁸ 其	一	十	廿	廿	廿	其	其	其		
¹⁴ 旗	一	二	𠂇	方	方	方	旂	旂	旂	旂
	旗	旗	旗	旗						
⁶ 齐	一	一	文	文	齐	齐				

⁶ 年	ノ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	年				
¹¹ 粘	・	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	粘
	粘									
⁸ 念	ノ	ㄣ	ㄣ	今	今	念	念	念		
¹⁰ 娘	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	娘
⁵ 鸟	ノ	ㄣ	ㄣ	鸟	鸟					
¹¹ 您	ノ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	你	你	你	您	您
	您									
⁴ 牛	ノ	ㄣ	ㄣ	牛						
⁷ 扭	一	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ			
⁶ 农	ノ	ㄣ	ㄣ	农	农	农				
⁹ 浓	・	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	

¹⁴ 歉	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ
	歉	歉	歉	歉						
⁶ 纤	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ				
⁸ 枪	一	十	才	木	木	木	木	枪		
¹⁴ 墙	一	十	土	土	土	土	土	墙	墙	墙
	墙	墙	墙	墙						
¹² 强	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ
	强	强								
⁷ 抢	一	十	才	木	木	木	抢			
¹⁰ 悄	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	悄	悄	悄	悄
¹⁴ 敲	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	敲	敲	敲	敲
	敲	敲	敲	敲						

⁹ 盆	丿	八	分	分	分	盆	盆	盆	盆	
⁸ 朋	丿	月	月	月	月	朋	朋	朋		
¹¹ 捧	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扶	扶	捧
	捧									
¹³ 碰	一	厂	厂	石	石	石	石	碰	碰	碰
	碰	碰	碰							
⁸ 披	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	披		
⁷ 批	一	扌	扌	扌	扌	扌	批			
⁵ 皮	一	厂	厂	皮	皮					
¹⁰ 疲	一	厂	厂	厂	厂	疲	疲	疲	疲	疲
¹² 脾	丿	月	月	月	月	脾	脾	脾	脾	脾
	脾	脾								

⁸ 兔	ノ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	兔	兔		
⁶ 团	丨	冂	冂	冂	冂	团				
¹¹ 推	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	推	推	推
	推									
¹³ 腿	丿	月	月	月	月	月	月	腿	腿	腿
	腿	腿	腿							
⁹ 退	ㄣ	ㄣ	ㄣ	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	退	退	
¹¹ 脱	丿	月	月	月	月	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	脱									
⁶ 托	一	扌	扌	扌	扌	托				
⁸ 拖	一	扌	扌	扌	扌	扌	拖	拖		
⁹ 哇	丨	口	口	口	口	吐	吐	哇	哇	

4	片	丩	𠂆	𠂇	片						
11	偏	丩	𠂆	𠂇	𠂈	𠂉	𠂊	𠂋	𠂌	𠂍	𠂎
	偏										
15	篇	丩	𠂆	𠂇	𠂈	𠂉	𠂊	𠂋	𠂌	𠂍	𠂎
	篇	篇	篇	篇	篇						
12	骗	𠂉	𠂊	𠂋	𠂌	𠂍	𠂎	𠂏	𠂐	𠂑	𠂒
	骗	骗									
14	漂	丩	𠂆	𠂇	𠂈	𠂉	𠂊	𠂋	𠂌	𠂍	𠂎
	漂	漂	漂	漂							
15	飘	丩	𠂆	𠂇	𠂈	𠂉	𠂊	𠂋	𠂌	𠂍	𠂎
	飘	飘	飘	飘							

15	噢	ǎ	ā	ǒ	ǒ	ǒ	ǒ	ǒ	ǒ	ǒ
		ǒ	ǒ	ǒ	ǒ	ǒ				
10	哦	ǎ	ā	ǒ	ǒ	ǒ	ǒ	ǒ	ǒ	ǒ
8	爬	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ		
8	怕	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ		
8	帕	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ		
8	拍	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ		
11	排	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ
	排									
12	牌	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ
	牌	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ		
9	派	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	ǎ	

⁵ 民	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	民					
⁸ 明	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	明	明	明	明		
⁶ 名	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	名	名				
⁸ 命	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	命	命	命	命		
¹³ 摸	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	摸	摸	摸	摸	摸	摸
	摸	摸	摸								
¹⁴ 模	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	模	模	模	模	模	模
	模	模	模	模							
¹⁵ 摩	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	摩	摩	摩	摩	摩	摩
	摩	摩	摩	摩	摩						
¹⁶ 磨	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	磨	磨	磨	磨	磨	磨
	磨	磨	磨	磨	磨	磨					

¹³ 睡	丿	月	月	月	目	目	目	目	目	目
	睡	睡	睡							
⁹ 顺	丿	川	川	川	川	川	顺	顺	顺	
⁵ 司	丁	司	司	司	司					
⁹ 思	丿	口	田	田	田	思	思	思		
⁷ 私	一	二	千	禾	禾	私	私			
⁵ 丝	丿	纟	纟	纟	丝					
¹⁵ 撕	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌
	撕	撕	撕	撕	撕					
⁶ 死	一	厂	夕	夕	死	死				
⁵ 四	一	口	口	四	四					
⁸ 松	一	十	才	木	木	松	松	松		

13 数	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠
	数	数	数							
12 暑	丷	口	口	口	口	早	早	暑	暑	暑
	暑	暑								
9 树	一	十	才	木	木	木	木	树	树	
5 术	一	十	才	木	术					
8 述	一	十	才	木	术	术	述	述		
7 束	一	一	二	口	巾	束	束			
8 刷	丿	丿	尸	尸	尸	刷	刷	刷		
14 摔	一	十	才	扌	扌	扌	扌	摔	摔	摔
	摔	摔	摔	摔						
5 甩	丿	丿	月	月	甩					

11	控	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	控	控
	控									
7	扞	扌	扌	扌	扌	扌	扞			
3	口	丨	凵	口						
6	扣	扌	扌	扌	扣	扣				
10	哭	丨	凵	口	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	哭	哭
8	苦	一	十	艹	艹	艹	苦	苦		
12	裤	丨	扌	扌	扌	扌	扌	裤	裤	裤
	裤	裤								
6	夸	一	大	大	大	夸				
13	跨	丨	凵	口	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	跨	跨
	跨	跨	跨							

⁴ 巨	一	𠄎	𠄎	巨						
⁷ 拒	一	扌	扌	扌	扌	扌	拒			
¹¹ 距	丿	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	距	距	距	距
	距									
⁵ 句	丿	𠂔	𠂔	句	句					
¹⁴ 聚	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	聚	聚	聚	聚
	聚	聚	聚	聚						
⁸ 卷	丿	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	卷	卷		
¹⁰ 绢	丿	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	绢	绢	绢	绢
¹¹ 圈	丨	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	圈	圈	圈	圈
	圈									
⁹ 绝	丿	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	绝	绝		

⁵ 旧	丨	丨丨	丨丨	旧	旧					
¹¹ 救	一	十	寸	才	才	求	求	求	救	救
	救									
¹² 就	丶	二	ㄣ	ㄣ	ㄣ	亨	亨	亨	亨	就
	就	就								
⁸ 居	一	ㄣ	尸	尸	尸	居	居	居		
⁷ 局	一	ㄣ	尸	局	局	局	局			
¹⁰ 桔	一	十	才	才	才	杜	杜	杜	桔	桔
¹⁶ 橘	一	十	才	才	才	才	才	才	才	才
	橘	橘	橘	橘	橘	橘				
⁹ 举	丶	〃	ㄣ	兴	兴	兴	兴	兴	举	
¹⁰ 剧	一	ㄣ	尸	尸	尸	居	居	居	居	剧

10	竟	丷	一	一	一	立	产	音	音	音	竟
11	竟	丷	一	一	一	立	产	音	音	音	竟
	竟										
14	境	一	十	土	土	土	土	土	土	土	培
	境	培	培	境	境						
16	镜	丿	丿	丿	丿	金	金	金	金	金	金
	镜	钅	钅	钅	钅	镜	镜				
8	净	丷	丷	丷	丷	冫	冫	冫	净		
14	静	一	一	一	一	青	青	青	青	青	青
	静	静	静	静	静						
5	纠	丷	纟	纟	纟	纟					
7	究	丷	一	一	一	宀	宀	究			

¹³ 微	丿	ㄣ	彳	彳	彳	彳	彳	彳	彳	微
	微	微	微							
⁶ 危	丿	ㄣ	厶	尸	尸	危				
⁷ 围	丨	冂	冂	冂	冂	围	围			
⁴ 为	丶	ノ	为	为						
¹¹ 唯	丶	口	口	口	叫	吓	吓	咋	咋	唯
	唯									
¹¹ 维	ㄥ	彡	彡	彡	维	维	维	维	维	维
	维									
⁷ 违	一	=	弓	韦	韦	违	违			
⁶ 伟	ノ	亻	亻	亻	伟	伟				
⁷ 尾	一	尸	尸	尸	尾	尾				

⁸ 兔	㇀	㇁	㇂	㇃	㇄	㇅	兔	兔		
⁶ 团	丨	冂	冂	冂	冂	团				
¹¹ 推	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	推	推	推
	推									
¹³ 腿	丿	月	月	月	月	月	月	腿	腿	腿
	腿	腿	腿							
⁹ 退	㇀	㇁	㇂	㇃	㇄	㇅	退	退	退	
¹¹ 脱	丿	月	月	月	月	月	月	脱	脱	脱
	脱									
⁶ 托	一	扌	扌	扌	扌	托				
⁸ 拖	一	扌	扌	扌	扌	拖	拖	拖		
⁹ 哇	丨	㇀	㇁	㇂	㇃	哇	哇	哇		

8	经	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟		
13	睛	目	目	目	目	目	目	目	目	目
	睛	睛	睛							
14	精	米	米	米	米	米	米	米	米	米
	精	精	精	精						
8	京	亠	亠	亠	亠	亠	亠	亠		
11	惊	忄	忄	忄	忄	忄	忄	忄	忄	忄
	惊									
12	景	日	日	日	日	日	日	日	日	日
	景	景								

⁹ 歪	一	丂	丂	丂	丂	丂	丂	丂	歪	
⁵ 外	ノ	夕	夕	外	外					
⁹ 弯	、	一	一	一	一	一	一	弯	弯	
⁷ 完	、	ハ	ハ	ハ	完	完	完			
⁸ 玩	一	二	王	王	王	王	玩	玩		
¹¹ 晚	丨	日	日	日	日	晚	晚	晚	晚	晚
	晚									
⁸ 宛	、	ハ	ハ	ハ	宛	宛	宛	宛		
¹³ 碗	一	丂	丂	石	石	石	石	石	石	石
	碗	碗	碗							
³ 万	一	丂	万							
⁶ 网	丨	冂	冂	网	网	网				

⁴ 开	一	二	开	开						
⁹ 看	一	二	三	看	看	看	看	看	看	
⁹ 砍	一	一	一	石	石	石	石	石	砍	
¹¹ 康	、	、	广	户	户	户	康	康	康	康
	康									
⁶ 扛	一	扌	扌	扌	扛	扛				
⁷ 抗	一	扌	扌	扌	抗	抗	抗			
⁶ 考	一	十	土	考	考	考				
¹⁰ 烤		、	火	火	火	火	烤	烤	烤	烤
¹⁵ 靠	、	一	土	土	土	土	告	靠	靠	靠
	靠	靠	靠	靠	靠					
⁹ 科	一	二	千	禾	禾	禾	禾	科	科	

14	颗	丩	𠂔	𠂔	旦	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
		𠂔	𠂔	𠂔	𠂔					
9	咳	丩	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
5	可	一	一	一	一	可				
12	渴	丩	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
		渴	渴							
7	克	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔		
9	客	丩	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
10	课	丩	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
8	刻	丩	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔		
8	肯	丩	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔		
10	恳	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔

³ 卫	ㄣ	ㄣ	卫							
⁵ 未	一	二	丰	未	未					
⁸ 味	1	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	味	味	味		
⁹ 畏	1	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	里	畏	畏	畏	
¹² 喂	1	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	喂	喂	喂	喂	喂
	喂	喂								
⁹ 胃	1	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	胃	胃	胃	胃	
¹¹ 谓	1	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	谓	谓	谓	谓	谓
	谓									
¹² 温	1	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	温	温	温	温	温
	温	温								
⁴ 文	1	ㄣ	文	文						

⁹ 贴	丨	冂	冂	冂	冂	冂	冂	贴	贴	
¹⁰ 铁	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	铁	铁	铁
⁴ 厅	一	厂	厂	厅						
⁷ 听	丨	口	口	听	听	听				
¹¹ 停	ノ	亻	亻	亻	亻	亻	亻	停	停	停
	停									
⁹ 庭	丶	宀	宀	庭	庭	庭	庭	庭	庭	
⁹ 挺	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	挺	挺	
¹⁰ 通	フ	フ	フ	通	通	通	通	通	通	通
¹² 童	丶	立	立	童	童	童	童	童	童	童
	童	童								
⁶ 同	丨	冂	冂	同	同	同				

⁹ 统	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	统		
¹¹ 桶	一	十	才	木	木	木	木	桶	桶	桶
	桶									
¹² 痛	、	一	广	广	广	广	广	痛	痛	痛
	痛	痛								
¹¹ 偷	ノ	イ	イ	佗	佗	佗	佗	偷	偷	偷
	偷									
⁷ 投	一	十	才	扌	扌	扌	投			
⁵ 头	、	、	二	头	头					
¹⁰ 透	一	二	千	禾	禾	秀	秀	透	透	透
⁹ 突	、	、	宀	宀	宀	宀	突	突	突	
¹⁰ 涂	、	、	氵	氵	氵	氵	涂	涂	涂	涂

13	滔	丶	丶	丶	冫	冫	冫	冫	冫	冫	冫
		滔	滔	滔							
11	掏	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌
		掏									
11	萄	一	艹	艹	艹	艹	艹	艹	艹	艹	艹
		萄									
9	逃	丿	丿	丿	兆	兆	兆	兆	兆	逃	
5	讨	丶	讠	讠	讠	讠					
10	套	一	ナ	大	太	太	套	套	套	套	套
10	特	丿	乚	牛	牛	牛	牝	牝	牝	特	特
10	疼	丶	疒	广	广	广	疒	疒	疼	疼	疼
11	梯	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	梯

¹³ 碎	一	丿	ㄣ	石	石	石	石	石	石	石
	碎	碎	碎							
⁶ 岁	一	山	山	岁	岁	岁				
¹⁰ 损	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	损	损
¹⁴ 缩	ㄥ	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟
	缩	缩	缩	缩						
⁸ 所	一	尸	尸	尸	尸	所	所	所		
⁵ 他	人	亻	亻	他	他					
⁶ 她	人	女	女	如	如	她				
⁵ 它	一	宀	宀	它	它					
¹² 塔	一	土	土	土	土	土	土	塔	塔	塔
	塔	塔								

⁴ 太	一	ナ	大	太						
⁸ 态	一	ナ	大	太	太	态	态	态		
¹⁰ 谈	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	谈	谈
¹² 毯	毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛	毛	毯	毯
	毯	毯								
¹¹ 探	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	探	探
	探									
⁶ 汤	氵	氵	氵	汤	汤	汤				
¹⁶ 糖	米	米	米	米	米	米	米	米	糖	糖
	糖	糖	糖	糖	糖	糖				
¹¹ 堂	土	土	土	土	土	土	土	土	堂	堂
	堂									

⁷ 针	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	针			
¹⁰ 真	一	十	广	市	市	市	市	直	真	真
⁶ 阵	彳	尸	尸	阝	阝	阵				
⁶ 争	ノ	ノ	ノ	乌	乌	争				
¹¹ 睁	目	目	目	目	目	目	目	目	目	目
	睁									
⁸ 征	ノ	ノ	ノ	行	行	行	征	征		
⁵ 正	一	一	下	正	正					
¹⁶ 整	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一
	整	整	整	整	整	整				
⁹ 政	一	一	下	正	正	正	政	政		
⁷ 证	一	一	一	一	一	证				

12	暫	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	暫
	暫	暫								
10	脏	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	脏	脏
17	糟	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	糟	糟	糟	糟	糟	糟	糟			
14	遭	一	一	一	一	一	一	一	曹	曹
	曹	曹	曹	曹						
15	早	一	𠂇	𠂇	𠂇	早				
16	澡	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	澡	澡	澡	澡	澡	澡				
17	燥	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	燥	燥	燥	燥	燥	燥	燥			

⁸ 岳	一	厂	𠂇	𠂇	丘	𠂇	岳	岳		
¹² 越	一	十	土	丰	丰	丰	走	走	越	越
	越	越								
¹⁰ 阅	一	门	门	门	门	门	阅	阅	阅	阅
¹¹ 跃	一	口	口	𠂇	𠂇	𠂇	足	足	跃	跃
	跃									
⁴ 云	一	二	云	云						
⁴ 允	一	允	允	允						
⁷ 运	一	二	云	云	云	运	运			
⁴ 扎	一	十	才	扎						
⁶ 杂	一	九	九	杂	杂	杂				
⁷ 灾	一	八	宀	宀	宀	灾	灾			

⁸ 泳	丶	丶	丶	丶	丶	丶	泳	泳		
⁹ 勇	一	一	一	一	一	一	勇	勇		
⁵ 用	丿	月	月	月	用					
⁶ 优	ノ	イ	仁	仕	优	优				
¹¹ 悠	ノ	イ	イ	仕	仕	仕	悠	悠	悠	悠
	悠									
⁵ 由	丨	冂	冂	由	由					
⁷ 邮	丨	冂	冂	由	由	邮	邮			
⁸ 油	丶	丶	丶	丶	汙	汙	油	油		
¹² 游	丶	丶	丶	丶	汙	汙	汙	汙	汙	汙
	游	游								
⁴ 尤	一	ナ	尤	尤						

⁵ 玉	一	二	干	王	玉					
¹² 援	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌
	扌	援								
¹⁰ 原	一	厂	厂	厂	石	石	石	原	原	原
¹³ 源	、	、	、	、	、	、	、	、	、	、
	源	源	源							
⁷ 员	、	、	、	、	、	、	、			
¹⁰ 圆	丨	冂	冂	冂	冂	冂	冂	圆	圆	圆
⁴ 元	一	二	元	元						
⁷ 园	丨	冂	冂	冂	冂	园	园			
⁷ 远	一	二	元	元	元	远	远			
⁹ 院	、	、	、	、	、	、	、	院	院	

³ 于	一	二	于							
⁷ 余	ノ	人	人	人	余	余	余			
¹² 愉	、	、	、	、	、	、	、	、	、	、
	愉	愉								
³ 与	一	与	与							
⁸ 雨	一	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨
⁶ 羽	丁	羽	羽	羽	羽	羽				
⁹ 语	、	语	语	语	语	语	语	语	语	语
⁸ 育	、	育	育	育	育	育	育	育		
¹² 遇	、	遇	遇	遇	遇	遇	遇	遇	遇	遇
	遇	遇								
¹⁰ 预	、	、	、	预	预	预	预	预	预	预

¹² 紫	丨	丿	止	止	止	此	此	些	些	紫
	紫	紫								
³ 子	丿	了	子							
⁵ 仔	ノ	亻	亻	仔	仔					
⁶ 字	丶	八	宀	宀	字	字				
⁶ 自	丿	自	自	自	自	自				
¹¹ 综	ノ	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	综
	综									
⁹ 总	丶	丿	总	总	总	总	总	总	总	
⁷ 走	一	十	土	丰	丰	走	走			
⁹ 奏	一	二	三	丰	丰	丰	丰	奏	奏	
⁷ 足	丿	口	口	足	足	足	足			

7	应	、	、	广	广	广	应	应			
8	英	一	一	艹	艹	艹	艹	英	英		
11	营	一	一	艹	艹	艹	艹	营	营	营	营
	营										
14	蝇	、	口	口	虫	虫	虫	虫	虫	虫	虫
	蝇	蝇	蝇	蝇							
17	羸	、	一	一	言	言	言	言	言	言	言
	羸	羸	羸	羸	羸	羸	羸	羸			
7	迎	、	、	印	印	迎	迎				
15	影	、	口	口	日	日	早	早	昱	昱	昱
	影	影	影	影	影						
9	映	、	日	日	日	日	日	映	映		

15	颜	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	立	产	产	彦	彦	彦
		彦	彦	彦	彦	颜					
6	延	一	一	一	正	延	延				
10	盐	一	十	土	土	土	土	土	土	土	盐
7	严	一	一	一	一	一	一	严			
7	言	一	一	一	一	言	言	言			
9	研	一	一	一	一	一	一	一	研	研	
8	沿	一	一	一	一	一	一	沿	沿		
14	演	一	一	一	一	一	一	一	演	演	演
		演	演	演	演						
11	眼	一	一	一	一	一	一	一	一	眼	眼
		眼									

⁴ 忆	、	ハ	忒	忆						
³ 义	、	ノ	义							
⁵ 议	、	讠	讠	讠	议					
⁸ 易	、	日	日	日	月	易	易	易		
¹³ 意	、	立	立	立	立	产	音	音	音	音
		意	意	意						
¹⁰ 益	、	立	立	立	立	立	立	立	立	立
⁶ 异	、	巳	巳	巳	异	异				
⁶ 因	、	因	因	因	因	因				
⁹ 姻	、	女	女	女	姻	姻	姻	姻	姻	
⁹ 音	、	立	立	立	立	产	音	音	音	
⁶ 阴	、	阴	阴	阴	阴	阴				

⁶ 问	讠	冂	门	门	问	问				
⁷ 我	扌	二	扌	扌	我	我	我			
¹² 握	扌	扌	扌	扌	护	护	护	握	握	握
	握	握								
⁹ 屋	宀	宀	尸	尸	屋	屋	屋	屋	屋	
⁶ 污	讠	讠	汙	汙	汙	污				
⁴ 无	一	二	无	无						
⁴ 午	丩	丩	午	午						
⁸ 武	一	二	止	止	止	正	武	武		
¹⁴ 舞	丩	丩	仁	仁	仁	舞	舞	舞	舞	舞
	舞	舞	舞	舞						
⁴ 五	一	丁	五	五						

¹¹ 移	一	二	千	禾	禾	禾	禾	禾	禾	禾
、	移									
¹² 遗	、	一	一	中	半	半	貴	貴	貴	貴
	遺	遺								
¹⁴ 疑	、	ヒ	上	上	上	疑	疑	疑	疑	疑
	疑	疑	疑	疑						
⁹ 姨	く	女	女	女	如	如	如	姨	姨	
⁴ 以	レ	レ	以	以						
³ 已	フ	コ	已							
¹² 椅	一	十	才	才	才	才	才	才	才	才
	椅	椅								
¹⁰ 谊	、	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	谊

¹¹ 猪	丿	彳	彳	彳	彳	彳	彳	彳	猪	猪
	猪									
⁶ 竹	ノ	人	个	个	个	竹				
¹⁰ 逐	一	丿	彳	彳	彳	彳	彳	逐	逐	逐
⁵ 主	丶	二	二	主	主					
¹⁵ 嘱	丨	口	口	口	口	嘱	嘱	嘱	嘱	嘱
	嘱	嘱	嘱	嘱	嘱					
¹² 煮	一	十	土	土	土	煮	煮	煮	煮	煮
	煮	煮								
¹¹ 著	一	一	一	一	一	著	著	著	著	著
	著									
⁷ 住	ノ	人	人	人	人	住	住			

9 误	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	误	误	
8 物	丩	牛	牛	牛	牛	物	物	物		
5 务	丩	夕	夕	冬	务					
13 雾	一	一	一	雨	雨	雨	雨	雨	雾	雾
	雯	零	雾							
10 息	丩	自	自	自	自	自	自	息	息	息
11 悉	一	一	一	平	平	平	采	采	悉	悉
	悉									
6 西	一	一	一	西	西	西				
10 牺	丩	牛	牛	牛	牛	牺	牺	牺	牺	牺
6 吸	丩	口	口	可	吸	吸				
7 希	丩	丩	丩	希	希	希	希			

16 嘴	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔				
12 最	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	𠂔	𠂔								
15 醉	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔					
12 尊	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	𠂔	𠂔								
15 遵	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔					
7 作	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	作	作			
9 昨	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	昨	昨	

9选	丶	乚	ㄣ	止	𠂇	先	𠂇	洗	选	
8学	丶	ㄣ	ㄣ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇		
11雪	一	一	二	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	雪	雪
	雪									
6寻	ㄣ	ㄣ	ㄣ	𠂇	𠂇	𠂇				
6旬	丶	ㄣ	ㄣ	𠂇	𠂇	𠂇				
8询	丶	ㄣ	ㄣ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇		
5训	丶	ㄣ	ㄣ	𠂇	𠂇					
5讯	丶	ㄣ	ㄣ	𠂇	𠂇					
6迅	ㄣ	ㄣ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇				
7呀	丨	ㄣ	ㄣ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇			
6压	一	厂	厂	𠂇	𠂇	𠂇				

¹² 帽	丩	巾	巾	巾	巾	巾	巾	巾	巾	巾
	帽	帽								
¹⁴ 貌	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆
	貌	貌	貌	貌						
³ 么	丩	么	么							
¹³ 煤	丩	丩	丩	火	火	火	火	火	火	火
	煤	煤	煤							
⁷ 没	丩	丩	丩	丩	丩	没	没			
⁷ 每	丩	丩	丩	每	每	每	每			
⁹ 美	丩	丩	丩	丩	丩	丩	丩	美	美	
⁸ 妹	丩	丩	女	女	女	妹	妹	妹		
³ 门	丩	丩	门							

¹² 量	、	口	囗	日	旦	早	曷	曷	曷	量
	量	量								
¹⁰ 凉	、	、	、	、	、	、	、	、	、	凉
¹¹ 梁	、	、	、	、	、	、	、	、	、	梁
	梁									
⁷ 两	一	一	一	一	一	两	两			
¹¹ 辆	一	一	一	一	一	一	一	一	一	辆
	辆									
⁹ 亮			一	一	一	一	一	一	亮	
¹² 晾	一	一	一	一	一	一	一	一	一	晾
	晾	晾								
¹⁰ 谅	、	、	、	、	、	、	、	、	、	谅

9脉	丿	月	月	月	月	肘	肘	脉	脉	
14慢	ノ	人	全	全	知	知	知	知	知	知
	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔						
15瞞	丨	目	目	目	目	目	目	目	目	目
	瞞	瞞	瞞	瞞	瞞					
13满	丶	丶	丶	一	一	一	一	一	满	满
	满	满	满							
14慢	ノ	ノ	ノ	ノ	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔						
6忙	ノ	ノ	ノ	ノ	忙	忙				
11猫	ノ	ノ	ノ	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	猫									

10 料	、	ㄣ	ㄣ	半	米	米	米	米	米	料
6 列	一	丿	万	万	列	列				
10 烈	一	丿	万	万	列	列	列	列	烈	烈
7 邻	ノ	人	人	今	令	令	邻			
8 林	一	十	才	木	木	村	材	林		
9 临	丨	川	川	𠂔	𠂔	𠂔	临	临	临	
7 灵	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	灵	灵			
10 铃	ノ	人	人	人	金	钅	钅	钅	铃	铃
13 零	一	一	二	雨	雨	雨	雨	雨	零	零
	零	零	零							
13 龄	丨	丨	止	止	齿	齿	齿	齿	齿	齿
	龄	龄	龄							

¹³ 锣	ノ	ノ	ノ	ノ	全	全	钅	钅	钅	钅
	钅	锣	锣							
¹⁴ 嘛	丩	口	口	口	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	𠂔	𠂔	𠂔	嘛						
⁶ 吗	丩	口	口	𠂔	吗	吗				
⁶ 妈	丩	女	女	妈	妈	妈				
¹¹ 麻	丩	广	广	庀	庀	庀	庀	庀	府	府
	麻									
³ 马	𠂔	马	马							
⁸ 码	一	石	石	石	石	𠂔	码	码		
⁹ 骂	丩	口	口	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	骂	骂	
¹⁰ 埋	一	土	土	土	𠂔	𠂔	𠂔	埤	埤	埤

⁹ 药	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	药	药	
⁹ 钊	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	钊	钊	钊	
⁶ 爷	ノ	ハ	少	父	爷	爷				
³ 也	ノ	力	也							
¹¹ 野	ノ	口	日	日	甲	里	里	里	里	野
	野									
⁸ 夜	ノ	一	广	广	广	夜	夜	夜		
¹¹ 液	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	液	液	液
	液									
⁶ 页	一	一	一	一	页	页				
³ 叶	ノ	口	口	叶	叶					
⁵ 业	ノ	业	业	业	业					

12	暫	一	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	暫
	暫	暫								
10	脏	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	脏	脏
17	糟	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	糟	糟	糟	糟	糟	糟	糟			
14	遭	一	一	一	一	一	一	一	曹	曹
	曹	曹	曹	遭						
5	早	一	𠂇	𠂇	𠂇	早				
16	澡	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	澡	澡	澡	澡	澡	澡				
17	燥	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	燥	燥	燥	燥	燥	燥	燥			

⁶ 刘	、	ㄣ	ㄣ	文	文	刘				
¹⁰ 流	、	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	济	流
⁴ 六	、	ㄣ	六	六						
⁷ 陆	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	陆	陆				
⁵ 龙	一	ㄣ	九	龙	龙					
¹³ 楼	一	十	才	才	才	才	才	才	才	才
	楼	楼	楼							
¹⁴ 漏	、	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	漏	漏
	漏	漏	漏	漏						
²¹ 露	一	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ
	露	露	露	露	露	露	露	露	露	露
	露									

10	涨	丶	丿	㇀	㇁	㇂	㇃	㇄	涨	涨
12	掌	丿	㇀	㇁	㇂	㇃	㇄	㇅	堂	堂
		堂	掌							
3	丈	一	ナ	丈						
8	招	一	扌	扌	扌	扌	招	招		
11	着	丶	㇀	㇁	㇂	㇃	㇄	着	着	着
		着								
7	找	一	扌	扌	扌	找	找			
9	赵	一	扌	扌	丰	丰	丰	走	赵	
5	召	㇀	刀	刀	召	召				
13	照	丨	日	日	日	日	日	照	照	照
		照	照	照						

⁸ 责	一	二	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇		
⁸ 择	一	十	才	扌	扌	扌	扌	择		
⁹ 怎	ノ	人	个	乍	乍	乍	怎	怎	怎	
¹⁵ 增	一	十	土	土	土	土	增	增	增	增
	增	增	增	增	增					
¹⁴ 摘	一	十	扌	扌	扌	扌	扌	扌	摘	摘
	摘	摘	摘	摘						
¹⁰ 窄	、	八	宀	宀	宀	宀	窄	窄	窄	窄
⁸ 沾	、	、	氵	氵	氵	氵	沾	沾		
¹⁰ 展	一	二	尸	尸	尸	展	展	展	展	展
⁵ 占	一	十	占	占	占					
⁹ 战	一	十	占	占	占	占	战	战	战	

⁶ 扬	一	扌	扌	扌	扌	扌				
⁶ 阳	丌	阝	阝	阝	阝	阝				
⁶ 羊	、	丩	丩	丩	丩	丩				
⁹ 洋	、	、	、	、	、	、	、	、	、	、
⁶ 仰	ノ	イ	イ	イ	イ	イ				
⁹ 养	、	、	、	、	、	、	、	、	、	、
¹⁰ 样	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌
⁹ 要	一	一	一	一	一	一	一	一	一	一
¹³ 腰	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ	ノ
	腰	腰	腰							
¹⁶ 邀	、	、	、	、	、	、	、	、	、	、
	邀	邀	邀	邀	邀	邀				

⁸ 限	𠂇	𠂈	𠂉	𠂊	𠂋	𠂌	𠂍	𠂎		
⁸ 现	一	二	𠂏	𠂐	𠂑	𠂒	𠂓	𠂔		
⁸ 线	𠂕	𠂖	𠂗	𠂘	𠂙	𠂚	𠂛	𠂜		
¹³ 献	一	𠂝	𠂞	𠂟	𠂠	𠂡	𠂢	𠂣	𠂤	𠂥
	𠂦	𠂧	𠂨							
⁷ 县	一	𠂩	𠂪	𠂫	𠂬	𠂭	𠂮			
¹² 美	一	𠂯	𠂰	𠂱	𠂲	𠂳	𠂴	𠂵	𠂶	𠂷
	𠂸	𠂹								
⁹ 相	一	𠂺	𠂻	𠂼	𠂽	𠂾	𠂿	𠃀	𠃁	𠃂
¹⁵ 箱	一	𠃃	𠃄	𠃅	𠃆	𠃇	𠃈	𠃉	𠃊	𠃋
	𠃌	𠃍	𠃎	𠃏	𠃐					
³ 乡	𠃑	𠃒	𠃓							

¹¹ 职	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	职									
⁸ 直	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
¹⁰ 值	ノ	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
¹² 植	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	植	植								
⁶ 执	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
⁹ 指	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
⁷ 纸	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
⁴ 止	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
⁷ 址	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
⁸ 治	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔

⁸ 录	フ	コ	丑	予	予	寻	寻	录		
¹⁰ 旅	、	二	方	方	方	方	旅	旅	旅	旅
¹⁰ 虑	、	上	卢	卢	虑	虑	虑	虑	虑	虑
¹¹ 绿	、	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟	纟
	绿									
¹¹ 率	、	玄	玄	玄	玄	玄	玄	玄	玄	玄
	率									
⁹ 律	、	彳	彳	彳	彳	彳	律	律	律	
⁷ 乱	、	舌	舌	舌	舌	乱				
¹¹ 略	、	田	田	田	田	略	略	略	略	略
	略									
⁸ 轮	、	车	车	车	车	轮	轮	轮		

¹² 款	一	十	士	圭	圭	亨	亨	亨	亨	款
	款	款								
⁸ 矿	一	丿	丿	石	石	石	石	矿		
⁷ 况	丶	丿	丿	冫	冫	冫	况			
¹² 愧	丨	丨	丨	忄	忄	忄	怕	怕	怕	愧
	愧	愧								
¹⁰ 捆	一	十	才	扌	扌	捆	捆	捆	捆	捆
⁷ 困	丨	冂	冂	用	用	困	困			
⁶ 扩	一	十	才	扌	扌	扩				
⁹ 括	一	十	才	扌	扌	扌	括	括		
¹² 阔	丶	丨	门	门	门	门	阔	阔	阔	阔
	阔	阔								

⁹ 响	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	
⁶ 向	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆				
¹¹ 象	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆
	象									
¹³ 像	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆
	像	像	像							
⁹ 项	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	
¹⁰ 消	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆
³ 小	𠂆	𠂆	𠂆							
¹⁰ 晓	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆
¹⁰ 笑	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆
¹⁰ 效	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆	𠂆

12	落	一	十	++	++	++	++	++	落	落
	落	落								
7	来	一	一	二	二	来	来			
13	蓝	一	十	++	++	++	++	++	蓝	蓝
	蓝	蓝	蓝							
16	篮	一	十	++	++	++	++	++	篮	篮
	篮	篮	篮	篮	篮	篮				
5	兰	一	十	++	++	兰	兰			
8	拦	一	十	++	++	拦	拦	拦		
16	懒	一	十	++	++	懒	懒	懒	懒	懒
	懒	懒	懒	懒	懒	懒				
9	览	一	十	++	++	览	览	览	览	

⁸ 些	丨	乚	止	止	止	此	此	些		
¹¹ 斜	ノ	人	人	人	人	余	余	余	余	余
	斜									
¹⁵ 鞋	一	一	廿	廿	廿	廿	廿	廿	革	革
	鞋	鞋	鞋	鞋	鞋					
⁶ 血	丶	丶	白	白	而	血				
⁵ 写	丶	一	一	写	写					
¹² 谢	丶	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠	讠
	谢	谢								
¹¹ 械	一	才	才	才	才	才	才	械	械	械
	械									
⁷ 辛	丶	立	立	立	立	辛				

⁸ 例	ノ	イ	仁	夕	伋	伋	例	例		
⁵ 立	、	ニ	立	立	立					
¹¹ 粒	、	、	、	半	半	半	半	粒	粒	粒
	粒									
⁷ 丽	一	一	一	一	丽	丽	丽			
⁹ 俩	ノ	イ	仁	仁	伋	俩	俩	俩	俩	
¹² 联	一	一	一	一	耳	耳	耳	耳	联	联
	联	联								
⁸ 怜	、	、	、	、	怜	怜	怜	怜		
⁷ 连	一	一	一	车	车	连	连			
¹¹ 脸	ノ	月	月	月	月	脸	脸	脸	脸	脸
	脸									

¹⁰ 致	一	丂	丂	丂	丂	至	至	致	致	致
⁸ 质	一	厂	尸	尸	尸	质	质	质		
⁷ 志	一	十	士	士	志	志	志			
⁸ 制	丿	一	一	一	制	制	制	制		
¹⁰ 秩	一	二	千	禾	禾	禾	禾	秩	秩	秩
¹³ 置	丿	冂	冂	冂	冂	冂	冂	置	置	置
	冂	冂	置							
⁸ 终	丿	纟	纟	纟	纟	终	终	终		
⁴ 中	一	冂	口	中						
⁹ 钟	丿	人	人	人	钟	钟	钟	钟	钟	
⁹ 种	一	二	千	禾	禾	禾	和	和	种	
⁶ 众	丿	人	人	人	众	众				

12	喜	一	十	士	吉	吉	吉	吉	吉	喜	喜
	喜	喜									
8	细	纟	纟	纟	纟	纟	细	细			
6	戏	丿	又	又	戏	戏	戏				
3	下	一	下	下							
6	吓	丨	口	口	吓	吓	吓				
10	夏	一	一	下	百	百	百	百	夏	夏	夏
6	先	丿	人	牛	生	生	先				
11	掀	一	扌	扌	扌	扌	扌	折	折	掀	掀
	掀										
14	鲜	丿	角	角	角	角	角	角	鱼	鱼	鱼
	鲜	鲜	鲜	鲜							

⁷ 抓	一	扌	扌	扌	扌	扌	抓			
⁴ 专	一	二	专	专						
⁸ 转	一	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	转	转		
⁶ 庄	、	𠂔	广	广	庄	庄				
¹² 装	、	丩	丩	丩	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔
	装	装								
⁶ 壮	、	丩	丩	𠂔	𠂔	壮				
⁷ 状	、	丩	丩	𠂔	𠂔	状	状			
¹⁵ 撞	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌
	撞	撞	撞	撞	撞					
⁹ 追	、	丩	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	官	官	追	
¹⁰ 准	、	丩	𠂔	𠂔	𠂔	𠂔	准	准	准	准

11 梨	一	二	千	牙	禾	和	利	利	梨	梨
	梨									
9 厘	一	厂	厂	后	后	后	厘	厘	厘	
7 里	一	口	口	日	甲	里	里			
11 理	一	二	子	王	玉	玨	玨	玨	理	理
	理									
10 哩	一	口	口	日	日	日	日	哩	哩	哩
7 李	一	十	木	木	李	李				
5 礼	一	才	才	礼						
2 力	一	力								
4 历	一	厂	厂	历						
5 厉	一	厂	厂	厉						

6休	ノ	イ	仁	什	什	休				
9修	ノ	イ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	修	修	修	
10袖	ノ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	袖	袖	袖	袖
7秀	一	二	千	禾	禾	秀	秀			
14需	一	𠂇	二	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇						
11虚	ノ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	虚									
9须	ノ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	
6许	ノ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇				
11绪	ノ	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇	𠂇
	绪									

⁹ 信	ノ	イ	イ	仁	仁	信	信	信	信	
⁶ 兴	、	〃	〃	兴	兴	兴				
⁹ 星	、	口	口	日	日	星	星	星	星	
⁷ 形	一	二	于	开	开	形	形			
⁹ 型	一	二	于	开	开	刑	刑	型	型	
¹⁶ 醒	一	厂	厂	万	万	酉	酉	酉	酉	酉
	酉	酉	酉	醒	醒	醒				
⁸ 姓	、	女	女	女	如	如	姓	姓		
⁸ 性	、	、	、	、	性	性	性	性		
⁸ 幸	一	、	土	土	去	去	幸	幸		
⁵ 兄	、	口	口	尸	兄					
¹⁰ 胸	、	月	月	月	月	胸	胸	胸	胸	胸

8 郎	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	郎		
10 朗	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	朗	朗	朗
10 浪	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	浪	浪	浪
10 撈	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	撈	撈	撈
7 劳	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	劳			
6 老	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	老				
2 了	ㄣ	了								
5 乐	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ					
13 雷	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	雷	雷
	雷	雷	雷							
11 累	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	ㄣ	累	累	累
	累									

¹³ 搬	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌
	搬	搬	搬							
¹⁰ 班	一	二	王	王	玉	玨	玨	玨	玨	班
⁸ 板	一	十	才	木	木	木	板	板		
⁸ 版	丿	丿	片	片	片	版	版	版		
⁴ 办	丿	力	力	办						
⁵ 半	丶	丶	二	三	半					
⁷ 扮	一	扌	扌	扌	扌	扮	扮			
⁹ 帮	一	二	三	丰	丰	邦	邦	邦	帮	帮
¹⁴ 榜	一	十	才	木	木	木	木	木	木	木
	榜	榜	榜	榜						
¹⁴ 膀	丿	月	月	月	月	月	月	月	月	月

¹² 傲	ノ	イ	仁	仁	仕	仕	侍	侍	侍	侍
	傲	傲								
⁷ 吧	1	口	口	口	口	口	吧			
巴	→	口	口	巴						
² 八	ノ	八								
⁸ 拔	一	扌	扌	扌	扌	扌	拔	拔		
⁷ 把	一	扌	扌	扌	扌	扌	把			
⁸ 爸	ノ	八	父	父	父	父	爸			
⁵ 白	ノ	白	白	白	白					
⁶ 百	一	一	一	百	百	百				
¹³ 摆	一	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌	扌

**TẬP VIẾT CHỮ HÁN
BẰNG BÚT LÔNG**

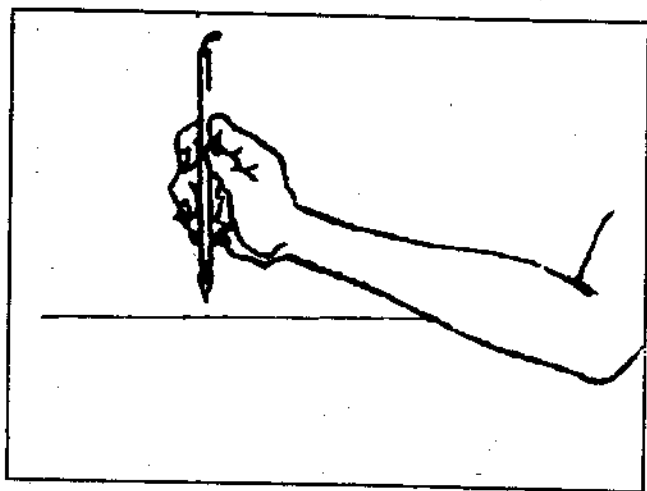
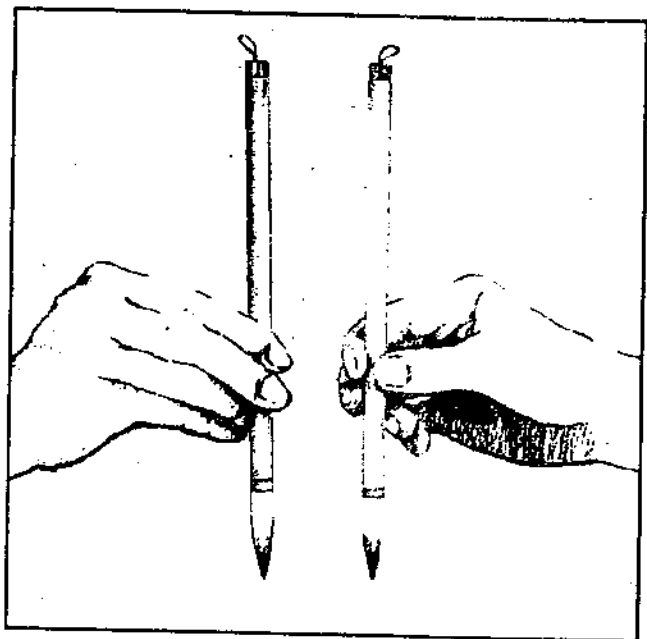
CÁCH CẦM BÚT (CHẤP BÚT):

Khi cầm bút ngón cái và ngón trỏ cầm khoảng 1/3 độ dài phần thân bút, cán bút phải thẳng đứng, hở khẩu tạo thành hình cung, ngón tay áp út đỡ nhẹ phần bên trong cán bút, ngón trỏ và giữa giữ phần bên ngoài cán bút, tạo nên khoảng trống trong lòng bàn tay, cách cầm bút như thế gọi là Chỉ Thực Chương Hư. Bút cầm đúng cách thì khi viết, chữ viết mới linh động uyển chuyển.

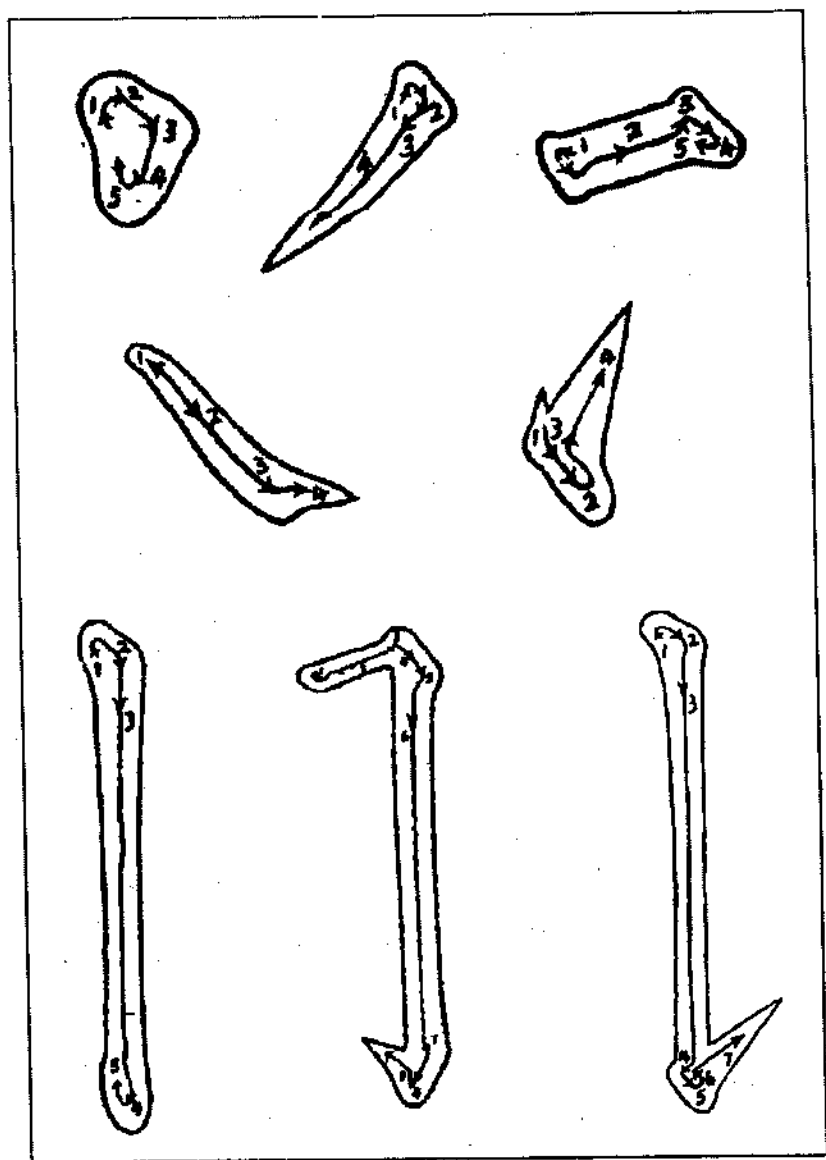
TƯ THẾ KHI VIẾT:

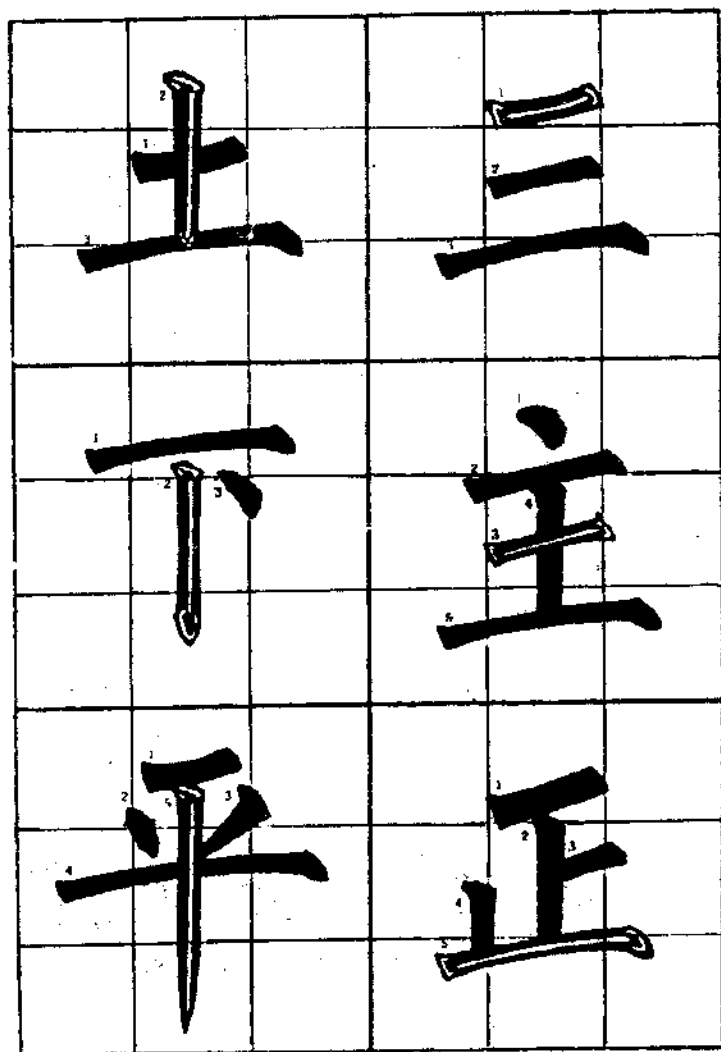
Khi viết cổ tay phải cách mặt bàn khoảng 5 đến 7 cm (điều này còn tùy thuộc vào loại bút lớn hay nhỏ) phần cùi chỏ tay chạm nhẹ xuống mặt bàn làm thành điểm tựa khi vận bút, có như vậy, ngòi bút mới vận hành được rộng rãi, tiến lùi theo ý, làm cho nét bút trở nên phóng khoáng. Tuy nhiên, khi viết tư thế ngồi cần ngay ngắn, ngực cách bàn viết khoảng từ 15 đến 20 cm, hai chân dũi thoải mái, ngưng thần định khí, tập trung vào ngòi bút trước khi muốn viết, ngoài 8 nét cơ bản là: **CHẤM, HÁT, NGANG, SỔ, PHẪY, MÁC, GẬP, MÓC**. Chúng ta cũng cần biết qua 10 cách viết thể hiện đường nét: **Úc** (nhấn xuống), **Dương** (nâng lên), **Đốn** (dè dặt), **Tỏa** (hạ xuống), **Trì** (chậm trễ), **Tốc** (nhanh chóng), **Hoàn** (thả lại), **Khẩn** (gấp gáp), **Khinh** (nhẹ), **Trọng** (nặng). Để chữ viết thêm phần có thần khí hơn.

Hình minh họa



Cách vận bút các nét cơ bản:







宗

兼

兼

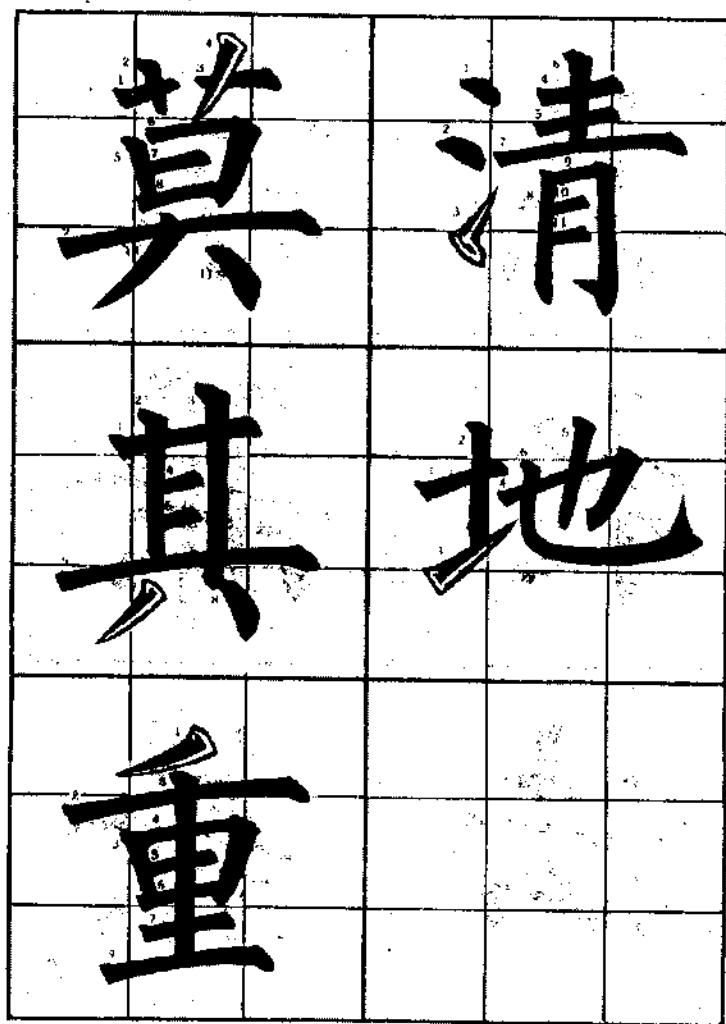
兼

其

於

於

法



天

者

月

布

風

度



帝

刑

雲

來

密

即

雲

來

密



山

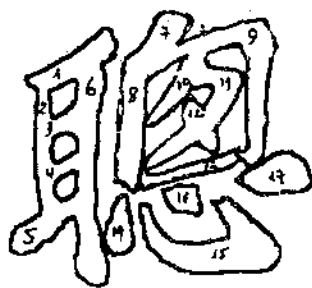
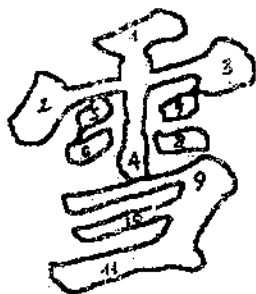
陽

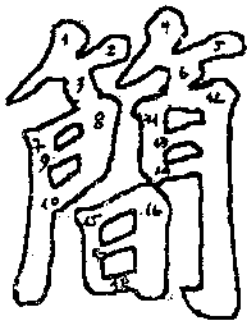
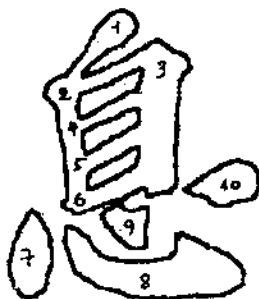
然

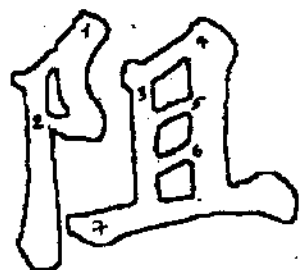
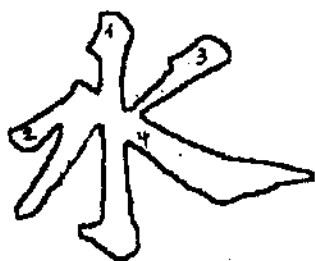
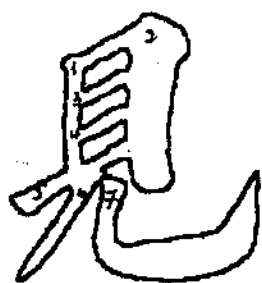
人

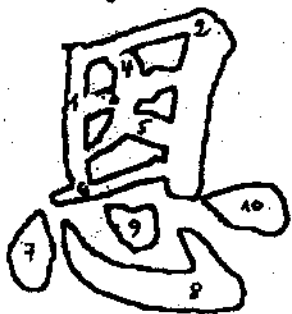
者

故









百

受

聞

左

風

木

云

以

關

名

休

其

地

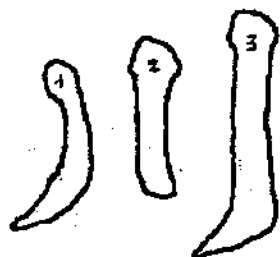
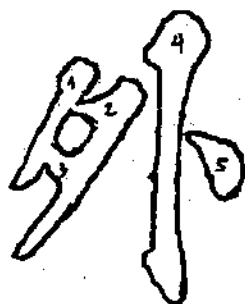
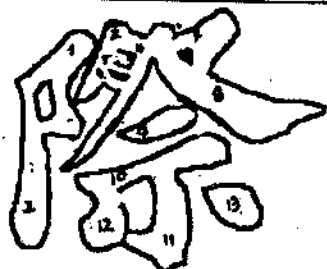
右

五

游

代

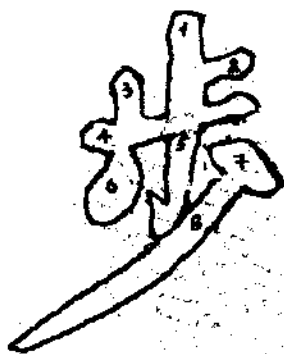
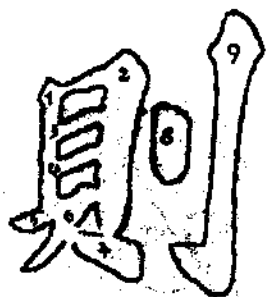
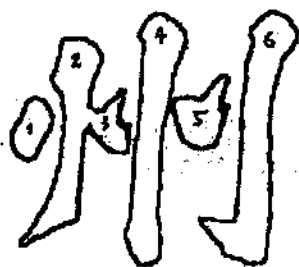
福

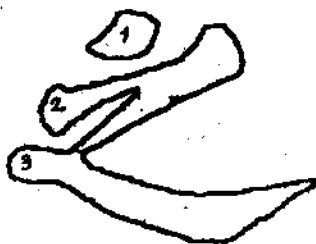


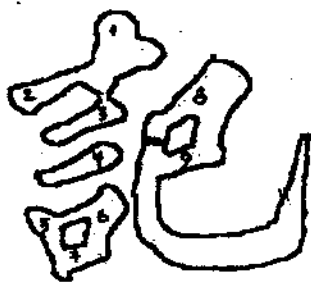
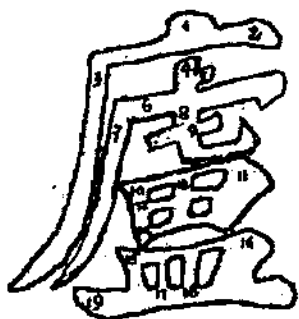












時

戈

舟

淮

升

遂

門

萬

兵

來

擒

姚

孰

江

老

問

商

賓

徒

景

今

愛

睜

平

按

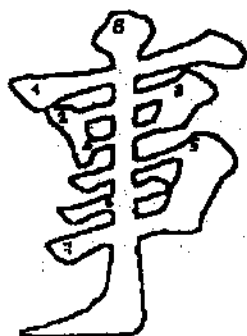
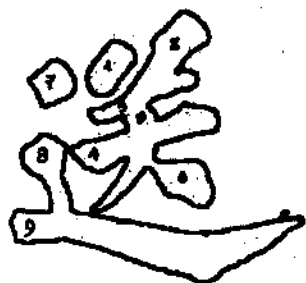
考

高

圖

狀

鳳



景

用

李

太

民

周

勝

所

清

谷

乃

予

失

送

並

下

傑

起

歲

流

祖

不

乎

唐



Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: CÁT VĂN THÀNH

Biên tập: ĐÌNH CHỮ

Trình bày: HÀ ANH

Sửa bản in: TRẦN THY THY

Vẽ bìa: NGUYỄN HỮU PHÁT

TRẦN THY THY, BƯỚC ĐẦU HỌC VIẾT CHỮ HÁN

In 1000 cuốn, khổ 14,5 × 20,5cm tại Xí nghiệp In quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Giấy phép xuất bản số: 177/104/XB-QLXB, do Cục Xuất bản, Bộ Văn hóa Thông tin cấp ngày 06/06/2002. In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2004.

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

